

Kinh tế vĩ mô tháng 10 năm 2021: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- Kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với những khó khăn về lao động, chuỗi cung ứng và đà tăng của giá cả;
- Giá cả hàng hóa toàn cầu tăng trở lại trên tất cả các nhóm hàng, đáng chú ý là diễn biến tăng mạnh của nhóm hàng năng lượng như than, xăng, dầu. Trong tháng 10, ghi nhận sự biến động mạnh của giá dầu kể từ đầu năm;
- Chỉ số lãi suất toàn cầu (GMPR) do Central Bank News thống kê đã tăng 0,06 điểm phần trăm so với cuối tháng trước, ở mức 5,09%;
- Đồng USD đã giảm sau đà tăng của quý III; Hầu hết đồng tiền mạnh khác đều tăng so với đồng USD, ngoại trừ đồng EUR và đồng JPY;
- Giá vàng đã tăng trở lại sau 2 tháng giảm liên tiếp, giá vàng giao ngay và kỳ hạn tăng lần lượt 1,49% và 1,53%;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu tiếp tục tăng điểm, chỉ số MSCI ACWI tăng 5,03% so với cuối tháng trước lên 745,23 điểm.

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- Sản xuất công nghiệp đã khởi sắc trở lại khi các biện pháp giãn cách được nới lỏng; Điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất đã chấm dứt chuỗi giảm 4 tháng, chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất đạt 52,1 điểm;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 18,1% so với tháng trước;
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN giảm 17,4% so với cùng kỳ năm trước; Tổng vốn đầu tư nước ngoài đã tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước;
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tăng 1% so với tháng trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước giảm 1,7%; Cán cân thương mại tháng 10 ước tính xuất siêu 1,1 tỷ USD;
- Chỉ số giá tiêu dùng giảm 0,2% so với tháng trước, CPI bình quân 10 tháng tăng 1,81% so với bình quân cùng kỳ năm trước;
- Tỷ giá giao dịch trên thị trường chính thức ổn định nhưng đã tăng trên thị trường tự do; Giá vàng SJC tăng hơn 2%;
- Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục tăng điểm, lập đỉnh lịch sử mới ở mức 1.444,27 điểm.

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với những khó khăn về lao động, chuỗi cung ứng và đà tăng của giá cả

Kinh tế Mỹ đã ghi nhận diễn biến trái chiều trong lĩnh vực sản xuất và dịch vụ

Trong tháng 10, các hoạt động kinh tế tại Mỹ đã ghi nhận diễn biến ngược chiều của khu vực sản xuất và dịch vụ. Trong đó, mặc dù các chỉ số đánh giá tình hình hoạt động của khu vực sản xuất vẫn cho thấy xu hướng mở rộng xong diễn biến giảm đã xuất hiện liên tục trong 3 tháng và hiện đạt mức điểm thấp nhất trong vòng 7 tháng vừa qua, đạt 58,4 điểm. Sản lượng sản xuất đã tăng trưởng yếu hơn trong khi đơn đặt hàng cũng ở mức thấp nhất kể từ tháng 7/2020. Áp lực từ việc thiếu hụt nguyên vật liệu kết hợp với những khó khăn trong dịch vụ hậu cần đã ảnh hưởng làm kéo dài thời gian giao hàng, gia tăng các hoạt động mua hàng, tồn kho và giá cả tiếp tục tăng không ngừng. Bên cạnh đó, mặc dù cũng phải đương đầu với những khó khăn chung, xong hoạt động của khu vực dịch vụ lại có diễn biến tích cực hơn, chỉ số PMI trong lĩnh vực này đã tăng gần 4 điểm so với tháng trước, đạt 58,7 điểm – cao hơn kỳ vọng của thị trường.

Ngoài ra, nền kinh tế Mỹ đã gánh chịu những ảnh hưởng nặng nề của đợt dịch bùng phát vừa qua và tình trạng thiếu hụt hàng hóa do đứt gãy chuỗi cung ứng. Dữ liệu do Bộ Thương mại Mỹ vừa công bố cho thấy tăng trưởng trong quý III chỉ tăng 2%, thấp hơn so với mức kỳ vọng là 2,7% và cách xa so với mức tăng trưởng 6,7% trong quý trước.

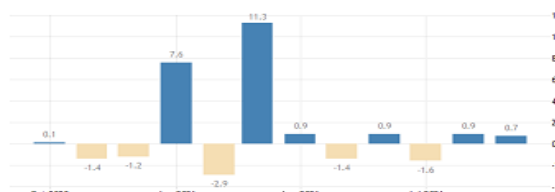
Trước tình hình đó, chỉ số niềm tin người tiêu dùng do Đại học Michigan công bố đã giảm nhẹ từ 72,8 điểm trong tháng 9 xuống còn 71,7 điểm. Diễn biến giảm này tiếp tục bị chi phối bởi tình trạng thiếu hụt lao động, dịch bệnh vẫn phức tạp và niềm tin đối với các chính sách của Chính phủ đã suy giảm trong thời gian gần đây. Đồng thời, doanh số bán lẻ của Mỹ theo dữ liệu mới nhất cũng đã giảm 0,2 điểm phần trăm so với tháng trước, ở mức 0,7%.

Trong tháng 10, tỷ lệ thất nghiệp tại Mỹ ước đạt 4,6% - mức thất nghiệp thấp nhất kể từ tháng 3/2020. Tỷ lệ thất nghiệp đã giảm 0,2 điểm phần trăm so với tháng trước, tương ứng với mức giảm của số lượng lao động thất nghiệp là 255.000 người.

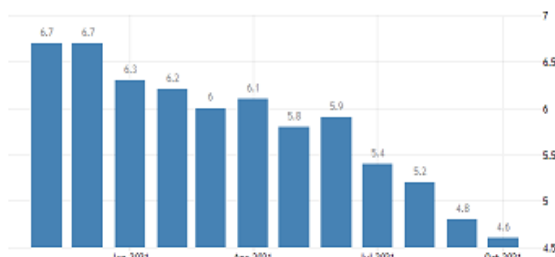
Chỉ số PMI khu vực sản xuất



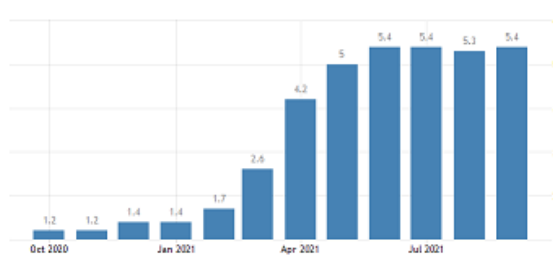
Doanh số bán lẻ hàng hóa (% mom)



Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



Diễn biến lạm phát (% yoy)



Nguồn: Trading economics

Châu Âu bên cạnh những khó khăn chung còn phải đối mặt với vấn đề khủng hoảng năng lượng

Trong điều kiện khó khăn chung của kinh tế thế giới hiện nay, các hoạt động kinh tế của khu vực Châu Âu cũng có kết quả thiếu tích cực so với tháng trước, ngày càng có khoảng cách với mức phục hồi mạnh mẽ được ghi nhận trong tháng 7. Kết thúc tháng 10, khu vực sản xuất đã có sự thay đổi nhẹ so với tháng trước, đạt 58,3 điểm từ mức 58,6 điểm của tháng 9. Hoạt động sản xuất và sản lượng hàng hóa giảm mạnh, mức độ lạc quan trong kinh doanh đã ở mức thấp nhất trong 1 năm qua. Trong khi đó, chỉ số PMI trong khu vực dịch vụ đã giảm rõ hơn, đạt 54,6 điểm – mức thấp nhất trong vòng 6 tháng qua. Khu vực dịch vụ tiếp tục bị ảnh hưởng mạnh bởi diễn biến của dịch bệnh, xu hướng giảm vẫn xuất hiện trong các cầu phân du lịch, giải trí và nhu cầu đi lại. Diễn biến này đã xuất hiện tại phần lớn các nền kinh tế như Đức, Ý, Tây Ban Nha.

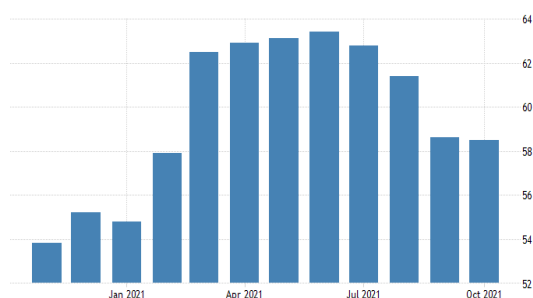
Bên cạnh đó, khu vực Châu Âu đang phải đối mặt với nguy cơ khủng hoảng năng lượng do điều kiện thời tiết bất thường và nhu cầu tăng đột biến đặc biệt khi mùa đông đang đến gần trong khi các nguồn cung bị hạn hẹp. Giá khí đốt tại Châu Âu đã chạm ngưỡng kỷ lục, giá khí đốt tự nhiên tăng gần 800%, giá điện tại EU đã tăng gấp đôi kể từ đầu năm. Thực tế đó đang làm dấy lên lo ngại giá cả leo thang, gây bất ổn cho nền kinh tế khu vực.

Trong tháng 10, sự lạc quan của người tiêu dùng trong toàn khu vực đã giảm 0,8 điểm, ở mức (-) 4,8 trong khi đó, chỉ số này trong khu vực Liên minh Châu Âu giảm 0,9 điểm, ở mức (-) 6,1.

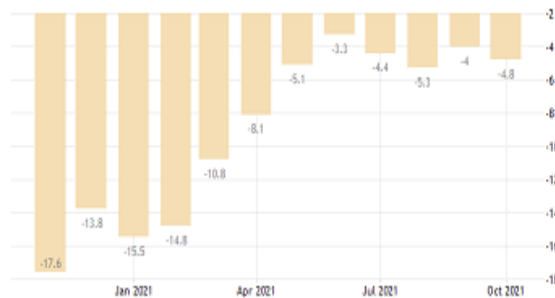
Tỷ lệ lạm phát hàng năm đã tăng lên 4,1% từ mức 3,4% của tháng trước, cao hơn kỳ vọng của thị trường ở mức 3,7% - đây cũng là mức lạm phát cao nhất kể từ tháng 7/2008.

Mặc dù vậy, theo dữ liệu mới nhất, tăng trưởng kinh tế của khu vực Châu Âu trong quý III đã cao hơn quý trước và vượt kỳ vọng của thị trường, tăng 2,2%, được hỗ trợ mạnh mẽ từ xu hướng tăng của nhu cầu tiêu dùng trong nước và hoạt động xuất khẩu.

Chỉ số PMI khu vực sản xuất



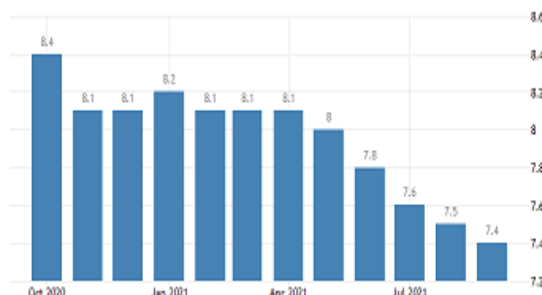
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Diễn biến lạm phát (% yoy)



Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



Nguồn: Trading economics

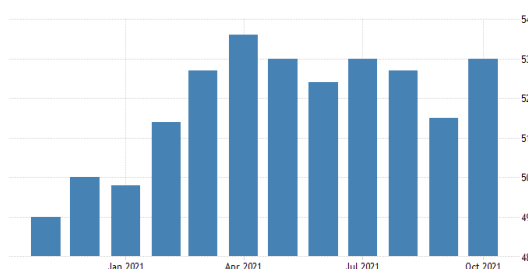
Kinh tế Nhật biến tích cực hơn khi dịch bệnh được kiểm soát

Trong tháng 10, kinh tế Nhật Bản đã ghi nhận đồng thời kết quả tích cực của cả khu vực sản xuất và dịch vụ khi số ca nhiễm bệnh giảm, nhiều biện pháp giãn cách xã hội được nói lỏng và thông điệp về những chính sách hỗ trợ nền kinh tế sau đại dịch của tân Thủ tướng Fumio Kishida. Đáng chú ý là khu vực dịch vụ lần đầu tiên đã có tín hiệu mở rộng kể từ đầu năm 2020, chỉ số PMI trong lĩnh vực này đã tăng từ mức 47,8 điểm lên mức 50,7 điểm. Trong khi đó, khu vực sản xuất đã được cải thiện mạnh trở lại so với diễn biến giảm của tháng trước, chỉ số PMI đạt 53,2 điểm từ mức 51,5 điểm trong tháng 9. Đơn hàng mới và sản lượng đều tăng, doanh thu xuất khẩu đã tăng mạnh nhất kể từ tháng 9/2019 và niềm tin kinh doanh đã đạt ngưỡng cao trong vòng 6 tháng qua. Đồng thời, dữ liệu mới công bố cũng cho thấy doanh thu bán lẻ theo tháng cũng đã tăng trở lại ở mức 2,7% sau khi có mức tăng trưởng (-) 4% vào tháng trước, ghi nhận diễn biến tăng đáng chú ý của nhóm hàng thực phẩm và đồ uống.

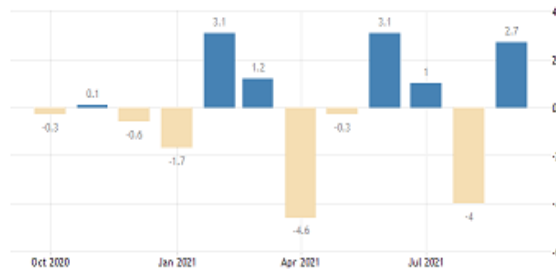
Hoạt động thương mại theo dữ liệu công bố gần đây cho thấy các hoạt động nhập khẩu hàng hóa đã tăng mạnh ở mức 38,6% so với cùng kỳ tương đương với 7.463 tỷ JPY trong khi hoạt động xuất khẩu tăng khiêm tốn ở mức 13% tương đương với 6.841 tỷ JPY. Chênh lệch thương mại tiếp tục thâm hụt trong hai tháng liên tiếp.

Chỉ số giá tiêu dùng được công bố mới nhất tại Nhật so với cùng kỳ lần đầu tiên tăng trong hơn một năm qua, chỉ số giá tiêu dùng đã tăng 0,2%, chỉ số CPI cơ bản đã loại trừ thực phẩm tươi sống tăng 0,1% và chỉ số CPI theo tháng đã tăng 0,4% - mức tăng theo tháng cao thứ hai kể từ đầu năm. Người tiêu dùng của Nhật Bản cũng đang phải đối mặt với cú sốc tăng giá của nhiều mặt hàng, đáng chú ý là mức tăng giá của nhiên liệu (giá xăng tăng 16,5%, giá dầu hỏa hơn 20%), giá nhà ở tăng hơn 40%, giá thực phẩm và hàng hóa lâu bền, thậm chí có nhiều mặt hàng như cà phê và thịt bò cũng đã có tín hiệu tăng sau nhiều năm không có sự thay đổi.

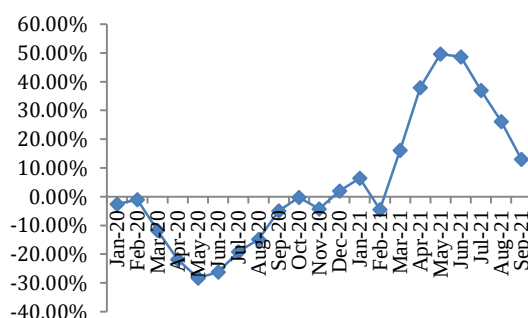
Chỉ số PMI khu vực sản xuất



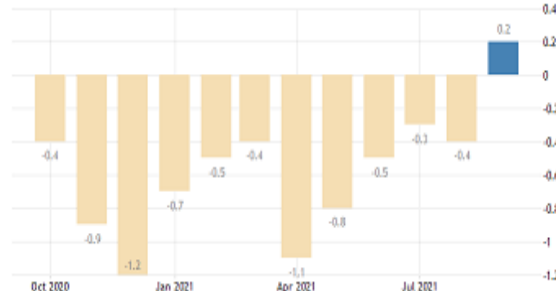
Doanh số bán lẻ hàng hóa (% mom)



Tốc độ tăng xuất khẩu (% yoy)



Diễn biến lạm phát (% yoy)



Nguồn: Trading economics

Kinh tế Trung Quốc tiếp

Kinh tế Trung Quốc trong tháng 10 tiếp tục phải đối mặt với khó khăn về nguồn cung điện và chi phí đầu vào tăng cao. Theo công bố của Cục thống kê quốc gia, chỉ số PMI

**tục có tín
hiệu giảm**

trong khu vực sản xuất và phi sản xuất tiếp tục giảm so với tháng trước. Cụ thể là chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất đã thấp hơn kỳ vọng của thị trường, rơi xuống ngưỡng thu hẹp trong 2 tháng liên tiếp, đạt 49,2 điểm. Bên cạnh đó, chỉ số PMI trong lĩnh vực phi sản xuất cũng đã giảm từ mức 53,2 điểm xuống còn 52,4 điểm trong tháng 10 – ghi nhận xu hướng chậm lại của ngành dịch vụ. Trong tháng, cả hai khu vực kinh tế đều ghi nhận chỉ số sản xuất và đơn hàng mới giảm, tâm lý người tiêu dùng tiếp tục bị ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh, chỉ số niềm tin kinh doanh tiếp tục yếu đi trong 8 tháng liên tiếp, đạt 53,6 điểm. Ngoài ra, số liệu công bố gần đây nhất cho thấy tăng trưởng kinh tế trong quý III/2021 của Trung Quốc đã đạt ở mức tăng thấp nhất so với quý trước kể từ quý I/2020, tăng 0,2%, đồng thời đạt mức tăng thấp nhất so với cùng kỳ, ở mức 4,9% kể từ quý III năm trước - giảm nhẹ so với kỳ vọng của thị trường là 5,2%.

Trong lĩnh vực tiêu dùng, doanh số bán lẻ hàng hóa tiêu dùng theo số liệu công bố mới nhất đã có sự cải thiện so với mức tăng trưởng âm trong tháng 7/2021, tăng 0,3% so với tháng trước – duy trì xu hướng tăng trong 2 tháng liên tiếp và tăng 4,4% so với cùng kỳ. Mặc dù vậy, đây vẫn là mức tăng thấp kể từ đầu năm. Hiện tại, nhu cầu có phần được cải thiện tại một số địa phương kiểm soát được dịch bệnh, ghi nhận xu hướng tăng mạnh trên các mặt hàng đồ trang sức, điện thoại, văn phòng, sản phẩm từ da, nguyên vật liệu xây dựng với mức tăng so với cùng kỳ giao động từ 13% – 22,8%.

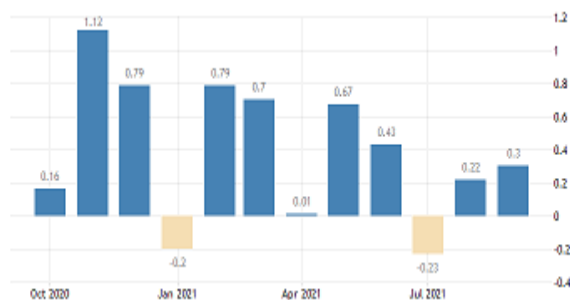
Hoạt động thương mại của Trung Quốc tiếp tục được mở rộng so với tháng trước, cán cân thương mại theo số liệu mới nhất là 84,54 tỷ USD – mức cao nhất kể từ đầu năm. Trong đó, hoạt động xuất khẩu của Trung Quốc tăng 27,1% so với cùng kỳ, đạt 300,22 tỷ USD trong khi hoạt động nhập khẩu tăng 20,6%, đạt 215,68 tỷ USD.

Chỉ số giá tiêu dùng đã tăng mạnh lên mức 1,5% trong tháng 10, cao hơn mức 0,7% của tháng trước đó. Đây cũng là mức tăng cao nhất kể từ tháng 9/2020.

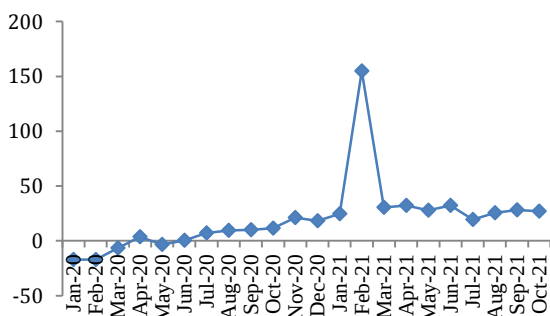
Chỉ số PMI khu vực sản xuất



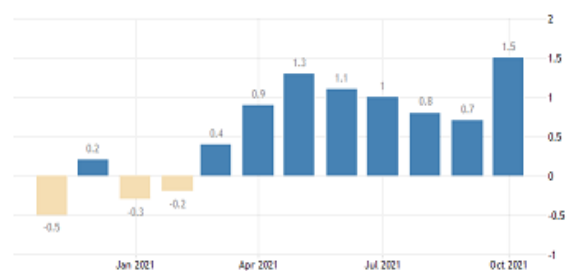
Doanh số bán lẻ hàng hóa (% mom)



Tăng trưởng xuất khẩu (% yoy)



Diễn biến lạm phát (% yoy)



Nguồn: Trading economics

Giá cả hàng hóa toàn cầu tăng trở lại trên tất cả các nhóm hàng

Theo số liệu thống kê về các thị trường hàng hóa của World Bank, trong tháng 10 chỉ số giá bình quân các mặt hàng năng lượng, phi năng lượng và nhóm hàng kim loại quý đã tăng từ 0,3% – hơn 16%.

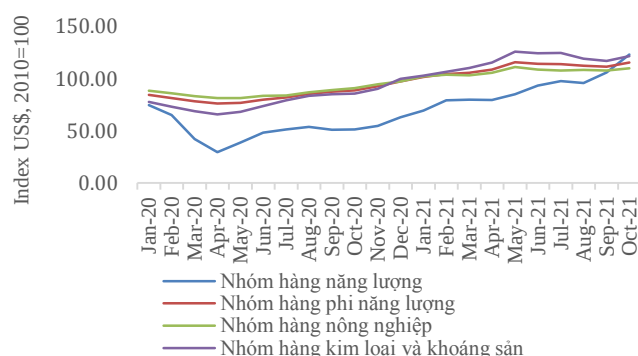
Trong đó, nhóm hàng năng lượng đã tăng mạnh trở lại, thiết lập mức giá bình quân cao nhất kể từ đầu năm, đáng chú ý là xu hướng tăng mạnh đã xuất hiện trên tất cả các mặt hàng năng lượng từ khí đốt, than, xăng và dầu mỏ, giao động mức tăng trong khoảng 7% – 36%, trong đó tăng mạnh nhất là giá than và giá xăng. Ngoài ra, tháng 10 cũng ghi nhận sự biến động mạnh của giá dầu, cụ thể giá dầu thô đã tăng mạnh nhất kể từ đầu năm, giá dầu WTI giao ngay và kỳ hạn tăng lần lượt là 10,47% và 11,38%, lần lượt chốt giá ở mức 83,34 USD/thùng và 83,57 USD/thùng; giá dầu Brent giao ngay và kỳ hạn cũng tăng 6,13% và 7,46% lần lượt chốt ở mức 83,98 USD/thùng và 84,38 USD/thùng. Giá dầu đã tăng mạnh trong bối cảnh nguồn cung hạn hẹp nhưng nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu đã tăng cao trở lại.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, xu hướng tăng xuất hiện trên tất cả các nhóm đồ uống, thực phẩm, nguyên liệu thô, chỉ số giá bình quân của các nhóm hàng có tốc độ tăng giao động từ 0,08% – hơn 0,5%. Diễn biến tăng tiếp tục được ghi nhận đối với giá cà phê, chè, giao động từ 0,5% – 6,8%; dầu cọ, dầu hướng dương, dầu đậu nành tăng trong khoảng từ 8% – 26%; giá ngô, đậu tương và gạo tăng giao động trong khoảng 0,25% - 7%; cao su, giá bông, tăng trong khoảng từ 4,3% – 13,2%.

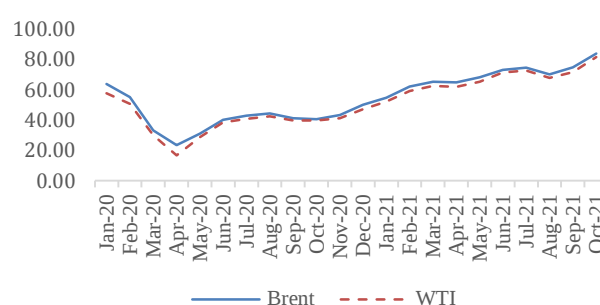
Bên cạnh đó, trong nhóm kim loại, giá bình quân của đồng, chì, kẽm, sắt mạ thiếc tăng giao động trong khoảng từ 3,5% – 10,7%, trong đó thép, sắt mạ thiếc có mức tăng cao. Trong tháng 10, giá nhôm đã hạ nhiệt do thị trường bớt lo ngại về việc giảm nguồn cung tại Trung Quốc. Giá nhôm kỳ hạn 03 tháng trên sàn giao dịch kim loại London đã giảm khoảng 4%.

Cuối cùng là diễn biến tăng của chỉ số giá của nhóm hàng kim loại quý ghi nhận mức giá bình quân của bạc đã tăng khoảng 0,98% và giá bạch kim tăng 4,5%. Chốt phiên giao dịch cuối tháng, giá bạc bình quân giao dịch ở mức 23,41 USD/ounce, giá bạch kim giao tháng 10 ở mức 1.017,1 USD/ounce.

Diễn biến chỉ số giá hàng hóa chung



Diễn biến giá dầu bình quân



Nguồn: worldbank.org

2. Điều hành chính sách của NHTW các quốc gia

Lãi suất điều hành của NHTW toàn cầu tiếp tục tăng

Theo thống kê của tổ chức Central Bank News, trong tháng 10 đã có 16 NHTW tăng lãi suất và 01 NHTW cắt giảm lãi suất là NHTW Thổ Nhĩ Kỳ. Tính đến cuối tháng, chỉ số lãi suất toàn cầu (GMPR) do Central Bank News thống kê ở mức 5,09%, tăng 0,07 điểm phần trăm so với cuối tháng trước.

Lãi suất điều hành của NHTW đã được điều chỉnh tăng phổ biến là 25 điểm cơ bản, ghi nhận mức điều chỉnh cao của NHTW Chi Lê, ngân hàng Pragoay ở mức 125 điểm cơ bản và cao nhất là 150 điểm cơ bản của NHTW Brazil. Trong tháng, đã có 06 NHTW tăng lãi suất 03 lần kể từ đầu năm; 03 ngân hàng tăng từ 4 – 6 lần, nổi bật là xu hướng điều chỉnh tăng liên tục của NHTW Nga. Bên cạnh đó, NHTW Newzealand và Romania đã điều chỉnh tăng lãi suất lần đầu tiên sau nhiều năm. Phần lớn, việc NHTW các nước điều chỉnh tăng lãi suất trong tháng là để ứng phó với xu hướng tăng của lạm phát, đặc biệt khi giá năng lượng đang tăng mạnh. Theo bảng thống kê tháng 10, lãi suất điều hành cao nhất thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ là 16%, tiếp đến là Tajikistan, Kazakhstan, Brazil, Nga có lãi suất điều hành giao động từ 7,5% - 13,25%. Lãi suất điều hành của NHTW được điều chỉnh tăng chủ yếu là để kiềm chế kỳ vọng lạm phát.

Trong tháng 10, CSTT của NHTW các nước lớn về cơ bản vẫn giữ nguyên trạng thái thích ứng, Cục dự trữ liên bang Mỹ vẫn duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp cho dù lạm phát đang có xu hướng tăng kéo dài và dự kiến sẽ công bố kế hoạch giảm mua trái phiếu với quy mô lớn vào cuộc họp trong tháng 11 tới. Bên cạnh đó, NHTW Châu Âu cũng có cùng xu hướng trong khi Nhật Bản vẫn giữ nguyên trạng thái chính sách nới lỏng để hỗ trợ đà phục hồi còn mong manh của nền kinh tế.

3. Diễn biến thị trường ngoại hối, vàng, chứng khoán

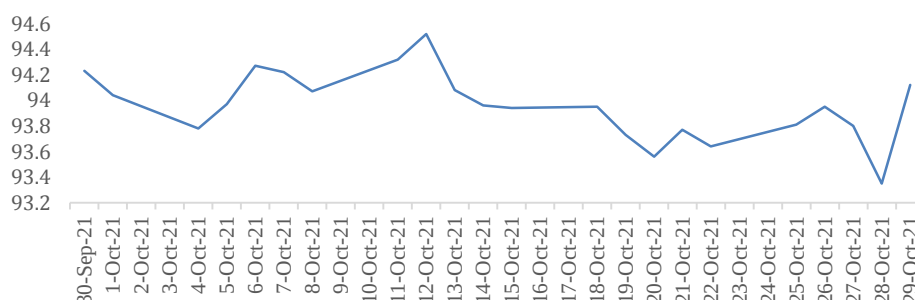
Diễn biến thị trường ngoại hối

Đồng USD đã giảm sau đà tăng của quý III

Trong tháng đầu tiên của quý IV, đồng USD đã giảm ở mức 0,11% so với các đồng tiền mạnh trong rổ tiền tệ. Đồng USD có diễn biến giảm là chủ yếu, chuỗi giảm thường xuất hiện từ 2 – 3 ngày giao dịch ngay từ đầu tháng, ghi nhận mức giảm mạnh nhất theo ngày giao dịch là 0,49%. Bên cạnh đó, đồng bạc xanh cũng có được 10 ngày giao dịch giá tăng, mạnh nhất vào ngày 29/10 ở mức 0,83%.

Diễn biến thiếu tích cực của đồng USD trong tháng bị ảnh hưởng mạnh từ các tín hiệu kinh tế không được như kỳ vọng, cụ thể là tốc độ tăng trưởng GDP đạt mức thấp trong quý III, lạm phát tiếp tục tăng mạnh, những bất ổn về giá và chuỗi cung ứng trên toàn cầu. Bên cạnh đó, những khó khăn liên quan đến ngân sách chi tiêu của Chính phủ, trần nợ công, định hướng của CSTT cũng ảnh hưởng nhất định đến diễn biến giảm của đồng USD. Mặc dù vậy, những tín hiệu cải thiện của thị trường lao động, xu hướng tăng của lãi suất trái phiếu Chính phủ và việc CSTT sẽ được định hướng rõ nét hơn trong việc giảm quy mô mua trái phiếu và cắt giảm lãi suất sẽ được quyết định vào tháng 11/2021 đã hỗ trợ cho diễn biến của đồng bạc xanh trong tháng. Chỉ số USD index đã kết thúc giao dịch ở mức 94.12.

Diễn biến chỉ số USD index



Nguồn: investing.com

**Đồng EUR
và đồng
GBP đã có
diễn biến
trái chiều**

Trong tháng 10/2021, tại khu vực Châu Âu, đồng EUR và đồng GBP đã có diễn biến trái chiều. Theo đó, đồng EUR đã giảm 0,17% và đồng GBP tăng 1,63% so với đồng USD.

Trên thị trường, đồng EUR đã có 03 tháng giảm liên tiếp, diễn biến giảm trong tháng 10 xuất hiện gần như liên tục từ ngày 5 – 12/10 với tổng mức giảm là 0,81%, đáng chú ý là mức giảm mạnh trong 2 ngày giao dịch cuối tháng, giảm lớn hơn 1% vào ngày 29/10. Diễn biến thiếu tích cực của đồng EUR trong tháng bị ảnh hưởng lớn từ tình trạng gia tăng mạnh của giá năng lượng, ghi nhận mức giá cao nhất kể từ năm 2014 và giá kim loại sản xuất. Bên cạnh đó, nhu cầu nắm giữ đồng EUR cũng đã giảm xuống khi nhà đầu tư lo ngại về lợi nhuận kinh doanh sẽ sụt giảm và nhu cầu tiêu dùng sẽ yếu đi. Ngoài ra, những biến động trên thị trường chứng khoán và căng thẳng giữa Ba Lan và EU trong vấn đề pháp quyền và tính độc lập của cơ quan tư pháp cũng ảnh hưởng thiếu tích cực đến diễn biến của đồng EUR. Mặc dù vậy, đồng EUR cũng có được nhiều phiên giao dịch tăng điểm trước những tín hiệu không quá bi quan của nền kinh tế, đáng chú ý là chuỗi tăng kéo dài từ ngày 13 – 20/10 với tổng mức tăng là 1,06%, ghi nhận mức tăng mạnh nhất là 0,65% vào ngày 28/10 ngay sau khi người đứng đầu của ECB công bố sẽ giữ nguyên trạng thái của CSTT để hỗ trợ nền kinh tế.

Trong khi đó, đồng tiền của nước Anh đã tăng trở lại sau 02 tháng giảm, diễn biến tăng xuất hiện nhiều hơn vào 20 ngày giao dịch đầu tháng, ghi nhận 02 chuỗi tăng kéo dài trong 03 ngày với tổng mức tăng lên đến hơn 2%. Và diễn biến giảm xuất hiện chủ yếu trong 10 ngày giao dịch còn lại, ghi nhận mức giảm mạnh nhất theo ngày giao dịch là 0,7% vào ngày 29/10. Bên cạnh tác động từ diễn biến của đồng USD, diễn biến đồng GBP cũng chịu ảnh hưởng từ các tín hiệu kinh tế như việc làm phục hồi, lạm phát chỉ số giá tiêu dùng, diễn biến của dịch bệnh, quan ngại căng thẳng thương mại với khu vực Châu Âu gia tăng và kỳ vọng cao về việc NHTW sẽ gia tăng lãi suất điều hành trong tháng tới.

Kết thúc tháng, cặp tỷ giá EUR/USD giao dịch ở mức 1.1561 và cặp tỷ giá GBP/USD giao dịch ở mức 1.3691.

Ngoài ra, trong tháng 10, thị trường đã ghi nhận xu hướng tăng trở lại sau 04 tháng giảm của đồng AUD và đồng CAD so với đồng USD. Trong đó, đồng AUD đã tăng mạnh hơn 4%, lấy lại toàn bộ giá trị đã sụt giảm trong quý III, diễn biến tăng chiếm 2/3 thời gian giao dịch của tháng, biến động theo ngày giao dịch giao động trong khoảng 0,08 – 0,84%. Diễn biến tích cực của đồng đô la Úc được hỗ trợ bởi nhu cầu đầu tư đối với các đồng tiền mạnh khác như đồng EUR, đồng JPY giảm sút, đồng thời kỳ vọng về khả năng phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế sau khi các biện pháp giãn cách được nói lỏng tại Melbourne và Sydney. Bên cạnh đó, đồng CAD đã tăng 2,3% so với đồng USD, diễn biến tăng xuất hiện chủ yếu trong 20 ngày giao dịch đầu tháng, biến động trong khoảng 0,05% - 0,59%. Diễn biến thuận lợi của đồng CAD trong tháng được thúc đẩy bởi đà tăng của giá dầu, các tín hiệu kinh tế phục hồi khả quan của nền kinh tế.

Kết thúc tháng, cặp tỷ giá AUD/USD giao dịch ở mức 0.7521 và cặp tỷ giá USD/CAD giao dịch ở mức 1.2387.

**Đồng JPY
đã có tháng**

Tháng 10 đã chứng kiến diễn biến giảm mạnh của đồng JPY trên thị trường. Đồng JPY đã giảm 2,45% so với đồng USD – kéo dài chuỗi giảm trong 03 tháng liên tiếp

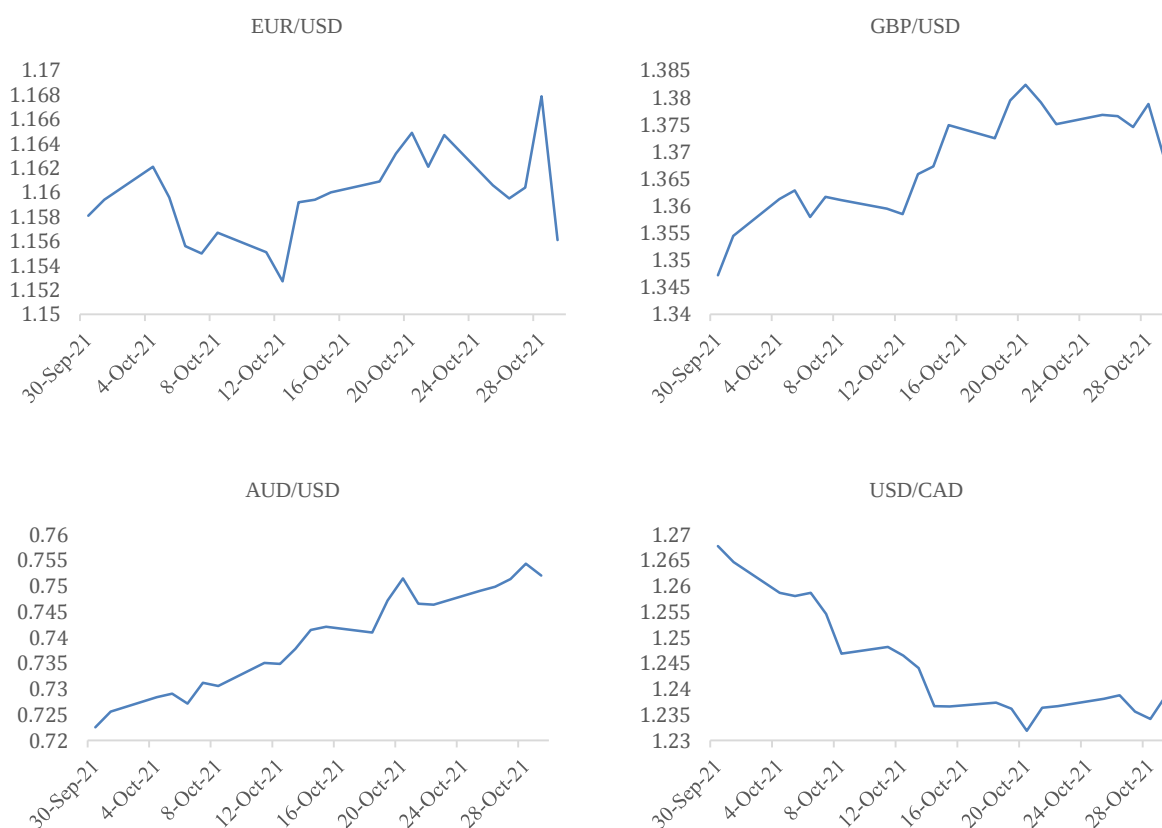
giảm mạnh

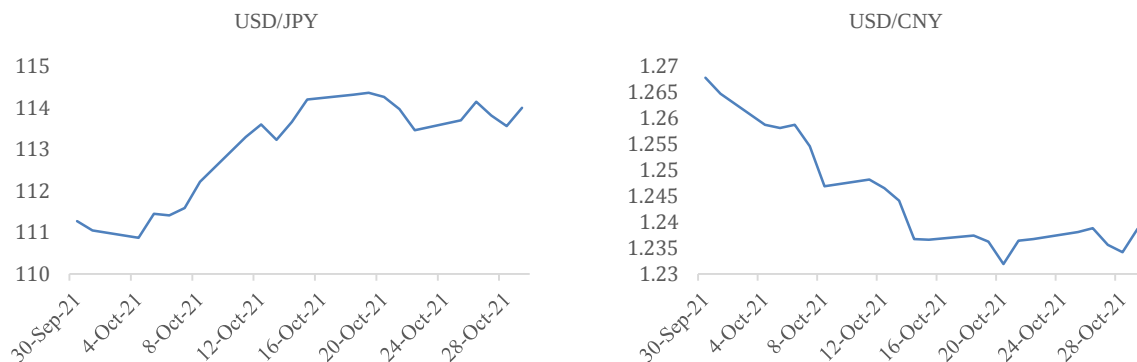
với mức giảm lớn thứ hai kể từ đầu năm. Trong tháng đồng JPY chỉ có 09 ngày giao dịch tăng, giao động trong khoảng 0,04 – 0,45% và giảm gần như liên tục từ ngày 5 – 19/10 với tổng mức giảm lớn hơn 3%, ghi nhận mức giảm lớn nhất theo ngày giao dịch lên đến 0,96%. Các tín hiệu được cải thiện của nền kinh tế khi dịch bệnh được kiểm soát và việc khởi động các chính sách kinh tế của tân thủ tướng đã không ngăn được xu hướng giảm của đồng JPY trước nhu cầu đầu tư suy giảm, đặc biệt khi các tín hiệu bất ổn về thanh khoản trong lĩnh vực bất động sản tại Trung Quốc hay trần nợ công tại Mỹ đã tạm thời được giải quyết. Bên cạnh đó, chênh lệch lợi tức trái phiếu với các nước có cùng lĩnh vực hoạt động cũng có ảnh hưởng nhất định đến diễn biến này. Kết thúc tháng, cặp tỷ giá USD/JPY giao dịch ở mức 114. Ngoài ra, so với các ngoại tệ mạnh khác như đồng AUD, đồng GBP thì đồng JPY đã giảm từ 4% – 5% trong tháng 10.

Đồng CNY tiếp tục tăng

Trong khi đó, đồng CNY tiếp tục tăng tháng thứ 3 liên tiếp, tăng 0,62%. Trong tháng, diễn biến tăng xuất hiện ngay từ đầu tháng kéo dài cho đến ngày 26/10, biến động trong khoảng 0,02% - 0,73% trong khi diễn biến giảm chỉ xuất hiện trong 05 ngày giao dịch. Đồng CNY tiếp tục giữ vững đà tăng bất chấp những tín hiệu kinh tế suy giảm và những khó khăn của khu vực bất động sản. Lực đẩy chính cho đà tăng này chính là các mức lãi suất khá cao của kinh tế Trung Quốc so với các nền kinh tế lớn khác. Kết thúc tháng, cặp tỷ giá USD/CNY chốt giao dịch ở mức 6.4050.

Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh





Nguồn: investing.com

Diễn biến thị trường vàng

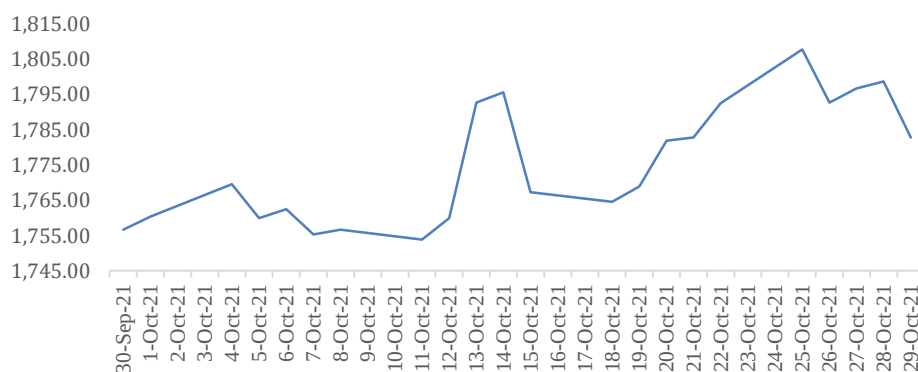
Giá vàng đã tăng trở lại sau 2 tháng giảm liên tiếp

Kết thúc tháng 10, giá vàng giao ngay và kỳ hạn đã tăng trở lại sau 2 tháng giảm liên tiếp, tăng lần lượt là 1,49% và 1,53%. Trong tháng, giá vàng đã có diễn biến tăng là chủ yếu, diễn biến giảm chỉ xuất hiện trong 07 ngày giao dịch. Giá vàng giao ngay đã có 02 chuỗi tăng giá liên tục từ ngày 12 – 14/10 và từ ngày 19 – 25/10 với tổng mức tăng của mỗi chuỗi lần lượt là 2,38% và 2,44%. Mặc dù vậy, mức giảm hơn 3% của giá vàng trong 03 ngày giao dịch của tháng đã giảm bớt mức biến động tăng của giá vàng.

Diễn biến tăng của giá vàng trong tháng được hỗ trợ bởi việc đồng USD giảm giá so với các ngoại tệ mạnh khác, biến động của lợi suất trái phiếu Chính phủ, xu hướng tăng của lạm phát, đặc biệt là lạm phát giá sản xuất, khủng hoảng năng lượng và các dữ liệu kinh tế Mỹ. Giá vàng cũng đã ghi nhận mức tăng mạnh nhất theo ngày giao dịch lên đến 1,86% vào ngày 13/10 khi hội tụ nhiều yếu tố thúc đẩy cho nhu cầu nắm giữ các tài sản an toàn gia tăng. Tuy nhiên, giá vàng cũng có 03 phiên giảm mạnh vào giữa tháng và cuối tháng đặc biệt khi thị trường chứng khoán đón nhận các kết quả kinh doanh tốt của khu vực doanh nghiệp. Giá vàng giao ngay đã ghi nhận mức giảm lên đến 1,58% vào ngày 15/10. Ngoài ra, trong tháng giá vàng cũng đã đạt được ngưỡng giá cao mới trên 1.800 USD/ounce vào ngày 25/10 xong đã không bảo vệ được mức giá cao này ngay trong ngày giao dịch kế tiếp.

Kết thúc tháng 10, giá vàng giao ngay và kỳ hạn giao dịch ở mức 1.782,8 USD/ounce và 1.783,9 USD/ounce.

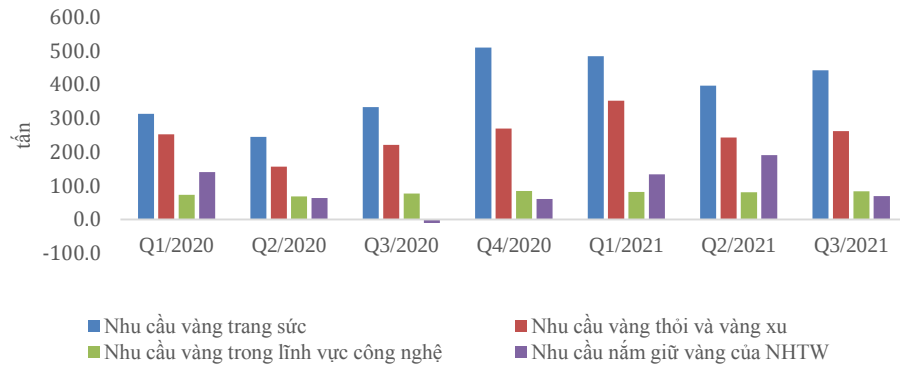
Diễn biến giá vàng thế giới



Nguồn: investing.com

Báo cáo mới nhất của Hội đồng vàng thế giới – WGC cho thấy tổng nhu cầu vàng trong quý III/2021 đã giảm 7% so với cùng kỳ năm ngoái và giảm 13% so với quý trước xuống còn 831 tấn chủ yếu là do lượng bán ra của các quỹ ETFs ở mức thấp so với lượng mua vào trước đó, đạt khoảng 27 tấn. Trong khi đó, nhu cầu vàng đã tăng ở các cầu phần khác, cụ thể so với cùng kỳ năm ngoái, nhu cầu vàng trang sức đã tăng 33%, đạt 443 tấn; nhu cầu vàng thỏi và vàng xu tăng 18%, đạt 262 tấn; nhu cầu vàng trong lĩnh vực công nghệ tăng 9%; các NHTW bổ sung thêm 69 tấn vào kho dự trữ. Ngoài ra, nguồn cung vàng cũng đã giảm 3% so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do sự suy giảm trong khâu tái chế.

Đồ thị Hội đồng vàng thế giới



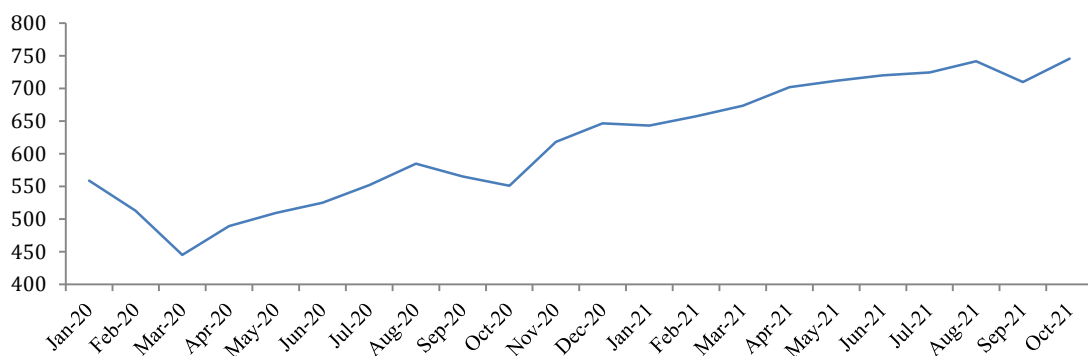
Nguồn: gold.org

Thị trường chứng khoán toàn cầu

Thị trường chứng khoán toàn cầu tăng điểm trở lại

Thị trường chứng khoán toàn cầu đã tăng trở lại sau diễn biến giảm của tháng trước, chỉ số MSCI ACW kết thúc tháng tăng 5,03% - tăng cao hơn mức giảm 4,28% của tháng trước, tăng lên 745,23 điểm. Thị trường chứng khoán tại Mỹ và khu vực Châu Âu diễn biến tích cực.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI giai đoạn 1/2020 – 10/2021



Nguồn: msci.com

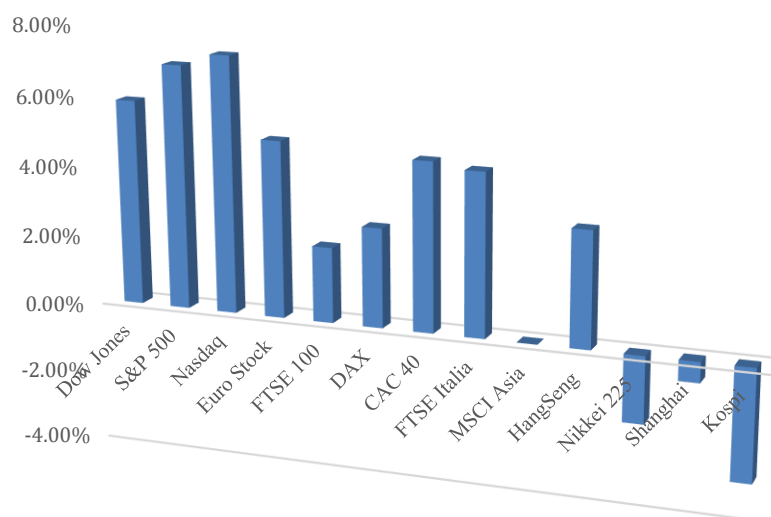
Thị trường chứng khoán Mỹ đã có mức tăng mạnh nhất trong gần 01 năm trước những tín hiệu ổn định về kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong quý III, xu hướng tăng đã lan tỏa trên tất cả các nhóm ngành bất chấp những khó khăn mà nước Mỹ đang phải đối mặt như nguồn cung hàng hóa, khan hiếm lao động và lạm phát. Đóng cửa phiên giao dịch cuối tháng, chỉ số S&P 500 tăng 6,9%, đạt 4.605,3 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 7,3%, lên 15.498,3 điểm; chỉ số bình quân công nghiệp Dow

Jones tăng 5,8%, lên 35.819,5 điểm. Điểm đáng chú ý nhất trong tháng là diễn biến trái chiều của nhóm cổ phiếu công nghệ, cụ thể là cổ phiếu của Apple và Amazon.com đã sụt giảm trước kết quả về doanh thu và lợi nhuận đáng thất vọng trong quý III, trong khi cổ phiếu của Microsoft đã tăng vượt qua Apple trở thành công ty niêm yết lớn nhất thế giới theo giá trị vốn hóa. Ngoài ra, diễn biến tăng của thị trường cũng được hỗ trợ với diễn biến chính sách của chính quyền Mỹ, cụ thể là khung thỏa thuận chi tiêu xã hội trị giá 1,75 nghìn tỷ USD, việc xem xét dự luật chi tiêu cơ sở hạ tầng.

Thị trường chứng khoán Châu Âu cũng có diễn biến tăng trở lại trước những tín hiệu tăng trưởng khá tích cực của các kinh tế lớn trong quý III và định hướng duy trì CSTT nới lỏng của ECB, chỉ số tổng hợp Euro Stoxx tăng 5%; chỉ số DAX của Đức tăng 2,81%, chỉ số CAC 40 của Pháp tăng 4,76%, FTSE Italia tăng 4,59%, và FTSE của Anh tăng 2,13%.

Thị trường chứng khoán Châu Á diễn biến thiếu tích cực hơn, ghi nhận diễn biến tăng, giảm giữa các thị trường lớn trước những quan ngại của giới đầu tư về tốc độ phục hồi của các nền kinh tế đầu tàu, xu hướng thắt chặt CSTT sắp diễn ra, đặc biệt là những thách thức mà nền kinh tế Trung Quốc đang phải đối mặt, cuộc bầu cử của Nhật Bản,... Chỉ số MSCI Châu Á Thái Bình Dương đi ngang so với tháng trước, đạt 197,22 điểm; chỉ số Shanghai của Trung Quốc giảm 0,58%, chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản giảm 1,9%, Koshi của Hàn Quốc giảm 3,2%. Bên cạnh đó, chỉ số chứng khoán SET 50 của Thái Lan tăng 1,07%; FTSE của Malaysia và Indonesia tăng lần lượt là 1,59% và 5,93% và Chỉ số chứng khoán Hangseng của Hồng Kông tăng 3,26%.

Mức độ biến động của các chỉ số chứng khoán chủ chốt tháng 10/2021



Nguồn: Bloomberg.com

KINH TẾ TRONG NƯỚC

1. Tăng trưởng kinh tế

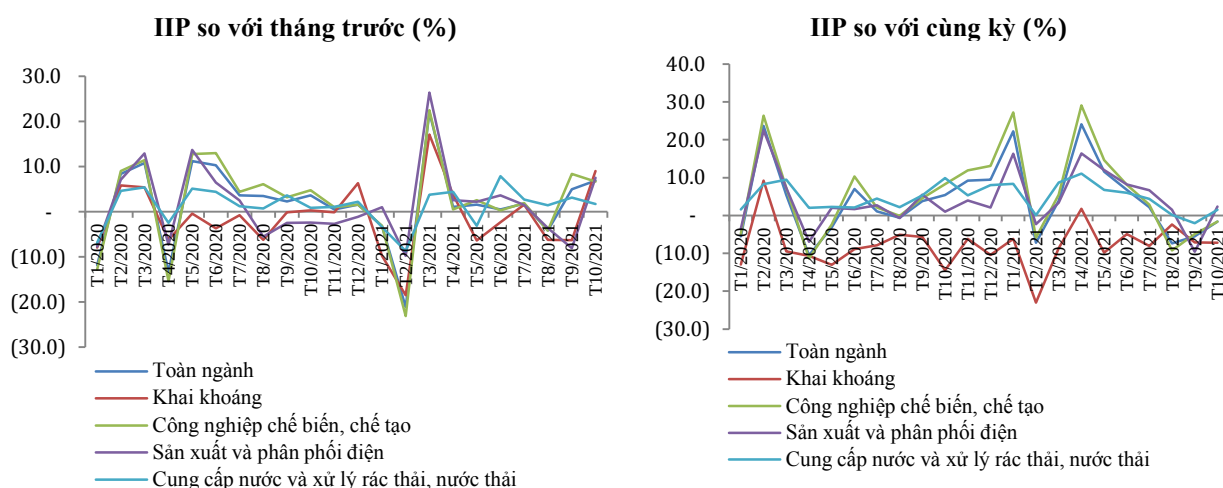
Sản xuất công nghiệp đã khởi sắc

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp – IIP trong tháng 10/2021 đã có tín hiệu tăng trở lại, tăng 6,9% so với tháng trước. Tuy nhiên so với cùng kỳ năm trước, IIP đã giảm 1,6%, trong đó 02 nhóm ngành quan trọng là khai khoáng và sản xuất công

trở lại khi các biện pháp giãn cách được nới lỏng

ngành chế biến, chế tạo đều giảm lần lượt là 7,2% và 1,6%; sản xuất và phân phối điện tăng 2,4%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,5%.

Tính từ đầu năm đến nay, chỉ số IIP ước tính tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước¹, trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 4,5% đóng góp 3,99 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,1%, đóng góp 0,36 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,4%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 7%, làm giảm 1,1 điểm phần trăm trong mức tăng chung.



Nguồn: TCTK

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành trọng điểm có chỉ số sản xuất 10 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: sản xuất kim loại tăng 25,1%; sản xuất xe có động cơ tăng 12,5%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 10,5%. Bên cạnh đó, cũng có một số ngành có mức giảm lớn như sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 19,2%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 13,3%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị giảm 8,7%.

Tính đến thời điểm cuối tháng 10, chỉ số IIP của 45 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 11 địa phương có mức tăng cao, giao động từ 11,7% – 29,7%, nổi bật là tốc độ tăng của Ninh Thuận, Đắk Lắk, Gia Lai, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa. Đồng thời, cũng có 09 địa phương có mức giảm mạnh, giao động từ 5,9% – 16%, giảm mạnh nhất là Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp đến là Trà Vinh, Cần Thơ, Đồng Tháp, Khánh Hòa.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/10/2021 tăng 7,7% so với cùng thời điểm của tháng trước và giảm 7,9% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 1,2 % so với thời điểm theo tháng và giảm 3,4% so với thời điểm năm trước; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 7,2% và giảm 9,7%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 9% và giảm 7,8%. Tại thời điểm trên, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 2,4% so với cùng thời điểm của năm trước và ngành chế biến, chế tạo giảm 8,5%; sản xuất và phân phối điện khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 2,3%; cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải giảm 1,9%.

¹ Tốc độ tăng IIP của cùng kỳ năm 2020 là 2,6%

Điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất đã chấm dứt giảm 4 tháng

Trong tháng 10, chỉ số quản trị nhà mua hàng - chỉ số PMI trong lĩnh vực sản xuất đã tăng trở lại sau 01 tháng mở cửa hoạt động trở lại của nhiều địa phương, đạt 52,1 điểm – tăng hơn 11 điểm so với tháng 9/2021. Theo đó, một số điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh đã được cải thiện, cụ thể:

- Sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và hoạt động mua hàng đã tăng mạnh trở lại khi hoạt động sản xuất được khôi phục. Trong đó, số lượng đơn hàng xuất khẩu cũng đã tăng lần đầu kể từ tháng 5 đón bắt kịp xu hướng nhu cầu tăng trên thị trường quốc tế;

- Niềm tin kinh doanh cũng được cải thiện, đạt ngưỡng cao trong hơn hai năm qua, các công ty tích cực tái khởi động lại hoạt động sản xuất hoặc tăng sản lượng để đáp ứng số lượng đơn hàng mới tăng.

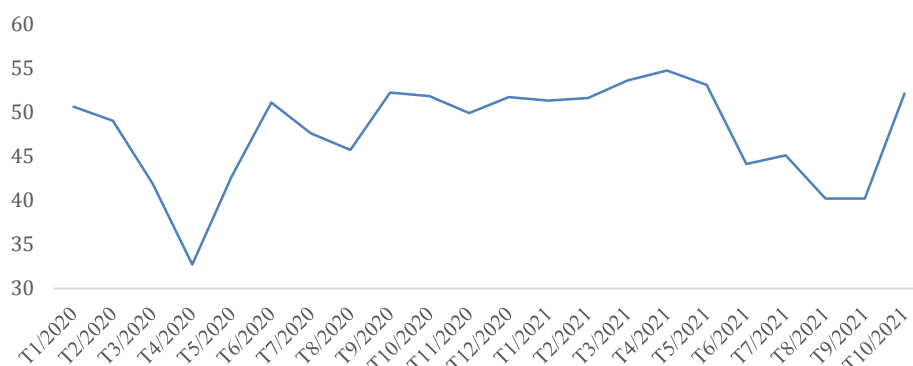
Mặc dù vậy, hoạt động sản xuất trong nước tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn về thiếu hụt lao động, chi phí đầu vào tăng:

- Việc làm tiếp tục giảm đáng kể khi người lao động vẫn chưa quay trở lại doanh nghiệp sau khi trở về quê nhà từ đợt dịch lần thứ 4 bùng phát;

- Lượng công việc tồn đọng tiếp tục tăng trước sức ép về công suất và khan hiếm lao động;

- Chi phí đầu vào đã tăng với tốc độ nhanh nhất trong vòng 10 năm qua do tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu, chi phí vận tải tăng. Kết quả là giá cả đầu ra tiếp tục tăng nhưng đã đạt tốc độ tăng nhanh nhất trong vòng 05 tháng.

Diễn biến chỉ số PMI



Nguồn: Nikkei

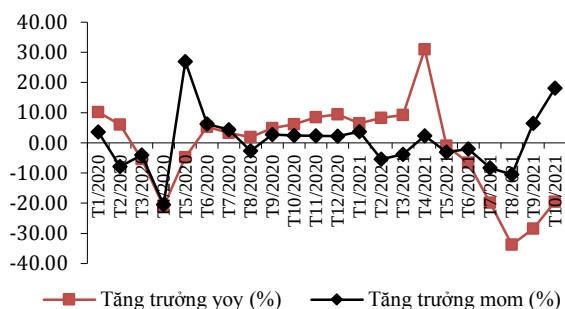
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng so với tháng trước

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10 ước tính đạt 357,9 nghìn tỷ đồng, tăng 18,1% so với tháng trước và giảm 19,5% so với cùng kỳ năm trước. Diễn biến giảm đã xuất hiện trên tất cả các nhóm hàng, cụ thể doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 304,7 nghìn tỷ đồng, giảm 13,5% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 27,6 nghìn tỷ đồng, giảm 37%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 379 tỷ đồng, giảm 63,4%; doanh thu dịch vụ khác đạt 25,2 nghìn tỷ đồng, giảm 47%.

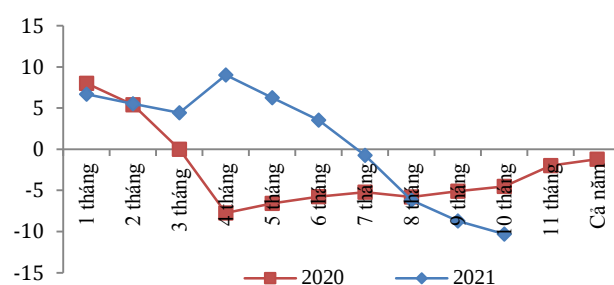
Tính chung 10 tháng năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 3.720,4 nghìn tỷ đồng, giảm 8,6% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 10,3% (cùng kỳ năm 2020 giảm 4,5%). Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 3.079,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 82,8% tổng mức và giảm 4,6%

so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 307 nghìn tỷ đồng, chiếm 8,3% tổng mức và giảm 23,8%; doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 5 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,1% tổng mức và giảm 63,8%. Cuối cùng, doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 328,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 8,8% tổng mức và giảm 22,6%.

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ (%)



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (% yoy)

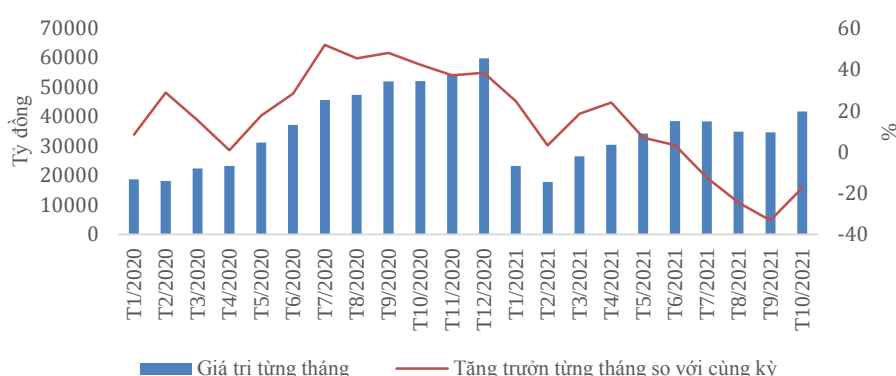


Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN giảm liên tiếp

Trong tháng 10, tổng vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước tính đạt 41,7 nghìn tỷ đồng, giảm 17,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn Trung ương quản lý là 7,7 nghìn tỷ đồng, giảm 19,5%; vốn địa phương quản lý là 34 nghìn tỷ đồng, giảm 16,9%.

Tăng trưởng vốn đầu tư từ NSNN T1/2020 – T10/2021



Nguồn: TCTK

Tính chung 10 tháng, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 318,6 nghìn tỷ đồng, bằng 64,7% kế hoạch năm, giảm 8,3% so với cùng kỳ năm trước². Trong đó, vốn Trung ương quản lý đạt 56 nghìn tỷ đồng, bằng 66,6% kế hoạch năm và giảm 4,2% so với cùng kỳ năm trước; vốn địa phương quản lý đạt 262,6 nghìn tỷ đồng, bằng 64,3% kế hoạch năm và giảm 9,1% so với cùng kỳ năm trước.

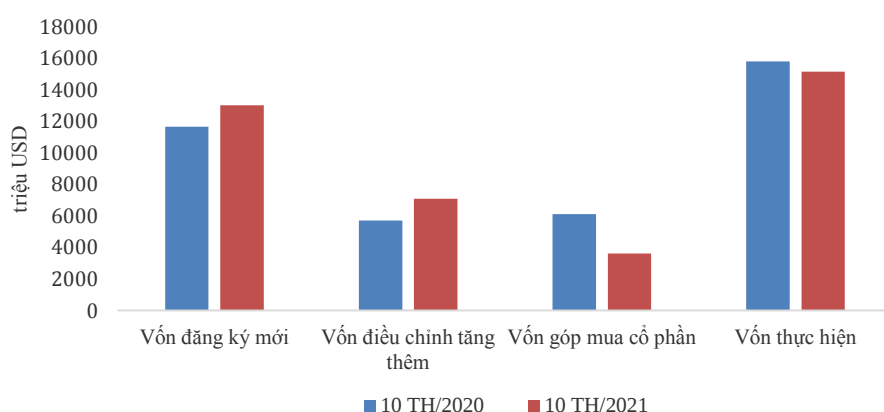
² Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 10 tháng năm 2020 bằng 67,8% và tăng 31,6%

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đã tăng so với cùng kỳ năm trước

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/10/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 23,74 tỷ USD, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới đạt 13,02 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước; vốn điều chỉnh tăng thêm đạt 7,09 tỷ USD, tăng 24,2% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, đăng ký vốn góp, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 3,63 tỷ USD, tiếp tục giảm 40,6% so với cùng kỳ.

Trong khi đó, vốn FDI thực hiện 10 tháng ước tính đạt 15,15 tỷ USD, giảm 4,1% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 10,94 tỷ USD, chiếm 72,2% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 2,08 tỷ USD, chiếm 13,7%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 1,15 tỷ USD, chiếm 7,6%.

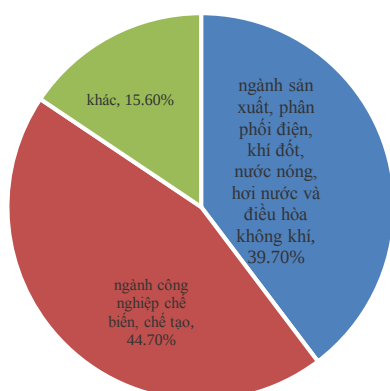
Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam 10 tháng năm 2020 và 10 tháng năm 2021



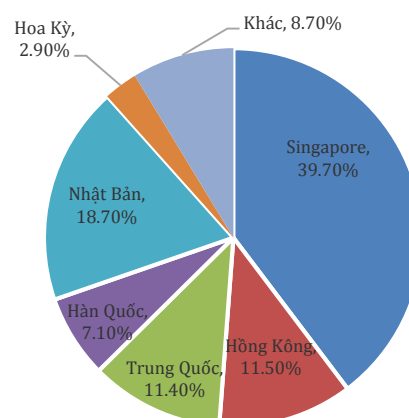
Nguồn: TCTK

Trong số 64 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới trong 10 tháng, Singapore là đối tác đầu tư lớn nhất với 5,17 tỷ USD lượng vốn đăng ký cấp mới, tiếp theo là Nhật Bản với 2,43 tỷ USD, Hồng Kông là 1,5 tỷ USD, Trung Quốc đạt 1,49 tỷ USD, Hàn Quốc là 920,1 triệu USD và Mỹ là 371,5 triệu USD.

Cơ cấu đầu tư theo ngành 10 tháng năm 2021



Cơ cấu đầu tư theo đối tác 10 tháng năm 2021



Nguồn: TCTK

Kim ngạch xuất nhập

Trong tháng 10/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 27,3 tỷ USD, tăng 1,0% so với tháng trước, trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 6,89 tỷ USD, giảm

khẩu hàng hóa đã có diễn biến trái chiều so với tháng trước

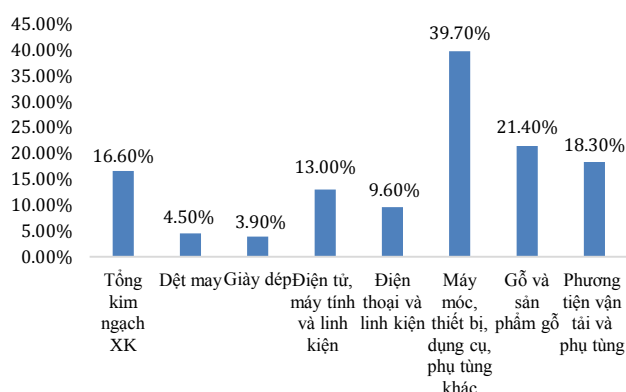
1,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 20,41 tỷ USD, tăng 2,0%. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 10 so với cùng kỳ năm trước tăng 0,3%, trong đó, khu vực kinh tế trong nước giảm 1,9%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 1,1%.

Tính chung 10 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 267,93 tỷ USD, tăng 16,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước đạt 69,77 tỷ USD, tăng 7,7%, chiếm 26% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 198,16 tỷ USD, tăng 20,1%, chiếm 74%.

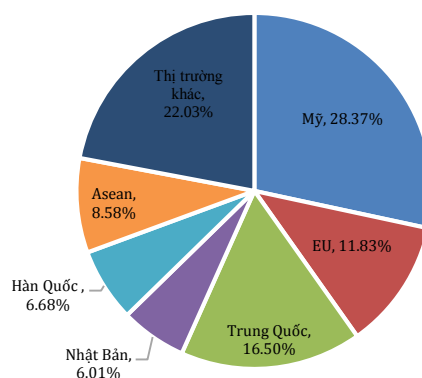
Trong 10 tháng có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,4% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó có 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 63%³. Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu của một số mặt hàng nông, thủy sản 10 tháng đều tăng so với cùng kỳ năm trước (ngoại trừ thủy sản, chè)⁴.

Từ đầu năm đến nay, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch trong 10 tháng đạt 76 tỷ USD, tăng 21,9% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là Trung Quốc đạt 44,2 tỷ USD, tăng 16,8%; thị trường EU đạt 31,7 tỷ USD, tăng 8,9%; thị trường ASEAN đạt 23 tỷ USD, tăng 21,3%; Hàn Quốc đạt 17,9 tỷ USD, tăng 11,2%; Nhật Bản đạt 16,1 tỷ USD, tăng 2,2%.

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng chủ lực 10 tháng 2021



Cơ cấu xuất khẩu phân theo một số thị trường chủ chốt 10 tháng 2021



Nguồn: TCTK

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 10/2021 ước tính 26,2 tỷ USD, giảm 1,7% so với tháng trước, trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 8,6 tỷ USD, tăng 3,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 17,6 tỷ USD, giảm 4,1%. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 10 tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, khu vực kinh tế trong nước tăng 2,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 11,2%.

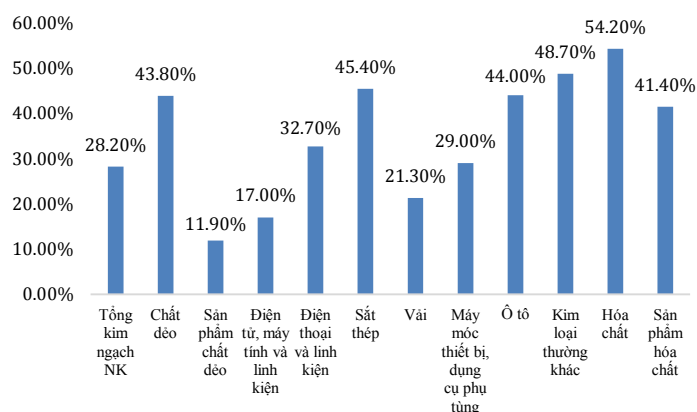
Tính chung 10 tháng năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 269,38 tỷ USD, tăng 28,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 92,5 tỷ USD, tăng 22,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 176,88 tỷ USD, tăng 31,3%. Trong 10 tháng có 39 mặt hàng nhập khẩu đạt giá trị trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 91,4% tổng kim ngạch nhập khẩu.

³ Điện thoại và linh kiện đạt 46,2 tỷ USD, điện tử, máy tính và linh kiện đạt 41,2 tỷ USD, máy móc thiết bị, dụng cụ PT khác đạt 29,7 tỷ USD, dệt may đạt 25,9 tỷ USD, giày dép đạt 14,1 tỷ USD và gỗ và sản phẩm gỗ đạt 11,9 tỷ USD

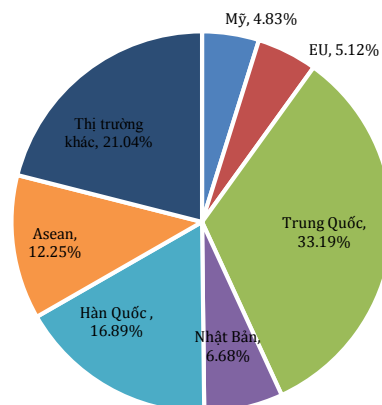
⁴ Thủy sản đạt 6,9 tỷ USD; rau quả đạt 3 tỷ USD; hạt điều đạt 3 tỷ USD; cà phê đạt 2,4 tỷ USD; cao su đạt 2,5 tỷ USD; sản và các sản phẩm từ sản đạt 927 triệu USD; hạt tiêu đạt 783 triệu USD; gạo đạt 2,7 tỷ USD; chè đạt 174 triệu USD

Về thị trường nhập khẩu hàng hóa 10 tháng năm 2021, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 89,4 tỷ USD, tăng 36,4% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là Hàn Quốc đạt 45,5 tỷ USD, tăng 21,4%; thị trường ASEAN đạt 33 tỷ USD, tăng 34,8%; Nhật Bản đạt 18 tỷ USD, tăng 9%; thị trường EU đạt 13,8 tỷ USD, tăng 15,9%; Hoa Kỳ đạt 13 tỷ USD, tăng 13,5%.

Tốc độ tăng trưởng kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng chủ lực 10 tháng 2021



Cơ cấu nhập khẩu phân theo một số thị trường chủ chốt 10 tháng 2021

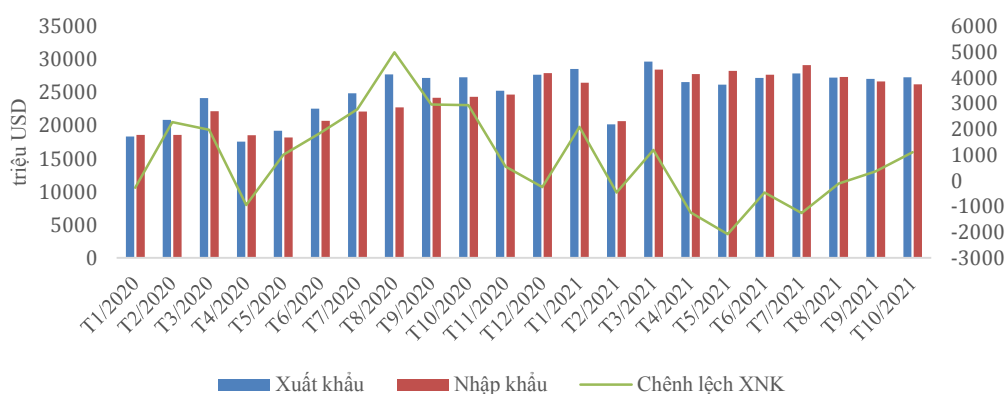


Nguồn: TCTK

Cán cân thương mại ước tính xuất siêu trong tháng 10

Cán cân thương mại trong tháng 10/2021 ước tính xuất siêu 1,1 tỷ USD. Tính chung 10 tháng năm 2021, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 1,45 tỷ USD⁵, trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 22,73 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 21,28 tỷ USD.

Diễn biến XK, NK và cán cân thương mại theo tháng (2020 – 2021)



Nguồn: TCTK

2. Lạm phát

CPI tháng 10 giảm so với tháng trước; CPI bình quân đạt mức

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10/2021 giảm 0,2% so với tháng trước, tăng 1,77% so với cùng kỳ năm trước, CPI bình quân 10 tháng tăng 1,81% so với bình quân cùng kỳ năm trước – mức tăng thấp nhất so với cùng kỳ kể từ năm 2016⁶. Diễn biến giảm của CPI trong tháng 10 chủ yếu là do nhu cầu sử dụng điện, nước sinh hoạt giảm khi thời tiết sang thu và giá thuê nhà tiếp tục xuống thấp nhằm hỗ trợ người dân gặp khó khăn

⁵ Trong đó, 10 tháng năm 2021 nhập siêu từ Trung Quốc 45,2 tỷ USD, tăng 63,2%; nhập siêu từ Hàn Quốc 27,6 tỷ USD, tăng 29,1%; nhập siêu từ ASEAN 10 tỷ USD, tăng 80,8%

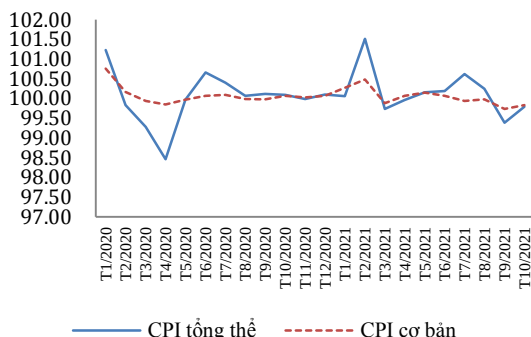
⁶ Tốc độ tăng CPI bình quân 10 tháng so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2021 lần lượt là: 2,27%; 3,71%; 3,6%; 2,48%; 3,71%; 1,81%

thấp nhất
trong vòng
5 năm

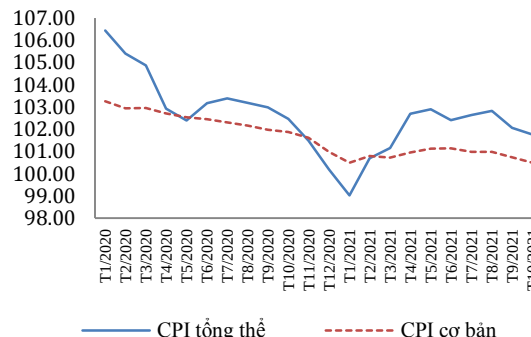
trong đại dịch.

Bên cạnh đó, lạm phát cơ bản giảm 0,17% so với tháng trước và tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 10 tháng tăng 0,84% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

CPI so với tháng trước (%)



CPI so với cùng kỳ (%)



Nguồn: TCTK

Trong tháng 10, có 3/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chủ yếu có chỉ số giá giảm so với tháng trước với những diễn biến đáng chú ý như sau:

- CPI nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống có mức giảm cao nhất là 1,28% so với tháng trước (làm CPI chung giảm 0,43 điểm phần trăm) do nguồn cung dồi dào, trong đó, lương thực giảm 0,17%; thực phẩm giảm 2,05%; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,18%, đáng chú ý là giá gạo và giá thịt lợn đã giảm lần lượt là 0,25% và 9,38%.
- CPI nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,26% so với tháng trước (làm CPI chung giảm 0,05 điểm phần trăm) chủ yếu do giá tiền thuê nhà giảm 4,67% (làm CPI chung giảm 0,02 điểm phần trăm); giá điện sinh hoạt giảm 0,99% (làm CPI chung giảm 0,03 điểm phần trăm); nước sinh hoạt giảm 2,46%.
- CPI nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,04% so với tháng trước và tập trung giảm ở giá điện thoại di động và phụ kiện điện thoại di động đối với các mẫu hàng cũ.

Bên cạnh đó, trong tháng cũng có 08 mặt hàng có chỉ số giá tăng, gồm:

- CPI nhóm giao thông tăng 2,51% so với tháng trước (làm CPI chung tăng 0,24 điểm phần trăm) do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá xăng, dầu⁷ làm chỉ số giá xăng tăng 6,27%, dầu diezen tăng 8,72%. Bên cạnh đó, dịch vụ giao thông công cộng tăng 0,08% do giá xăng, dầu tăng.
- CPI nhóm giáo dục tăng 0,25% so với tháng trước (làm CPI chung tăng 0,02 điểm phần trăm), trong đó dịch vụ giáo dục tăng 0,22% do một số địa phương tăng học phí mầm non, học phí đại học.
- CPI nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,19% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng tăng. Bên cạnh đó, chi phí vận chuyển tăng cũng ảnh hưởng đến CPI của nhóm hàng hóa này.
- CPI nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,13% so với tháng trước do nhóm vải các loại tăng 0,48% và giày dép tăng 0,07%.
- CPI nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,06% so với tháng trước do nhu cầu

⁷ Đợt điều chỉnh ngày 25/9/2021, ngày 11/10/2021 và ngày 26/10/2021

mua sắm của người dân tăng trở lại khi tình hình dịch Covid-19 dần được kiểm soát.

- CPI nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,04% so với tháng trước chủ yếu do giá ti vi màu tăng 0,24%; dụng cụ thể dục, thể thao tăng 0,04%.
- CPI nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02% so với tháng trước do thời tiết giao mùa nên nhu cầu các mặt hàng thuốc, dụng cụ y tế tăng, trong đó giá thuốc các loại tăng 0,09%.
- Cuối cùng CPI nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,12% so với tháng trước do dịch vụ cắt tóc, gội đầu và vật dụng tang lễ, thờ cúng tăng.

Một số VBPL chính sách quan trọng về điều hành giá cả ban hành trong tháng 10 năm 2021

Công văn số 6295/BCT-TTTN ngày 11/10/2021 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 967 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 934 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 959 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 979 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 517 đồng/kg.

Công văn số 6716/BCT-TTTN ngày 26/10/2021 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

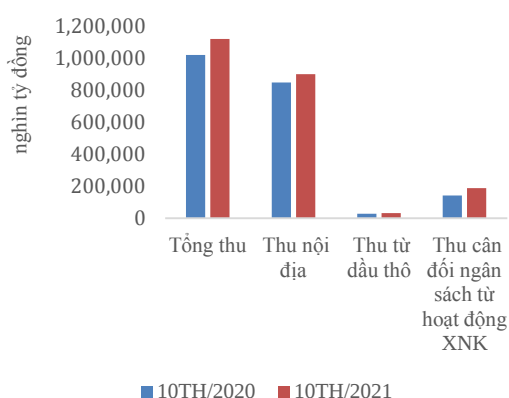
Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 1.427 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 1.459 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 1.171 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 1.015 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 113 đồng/kg.

3. Thu chi ngân sách Nhà nước

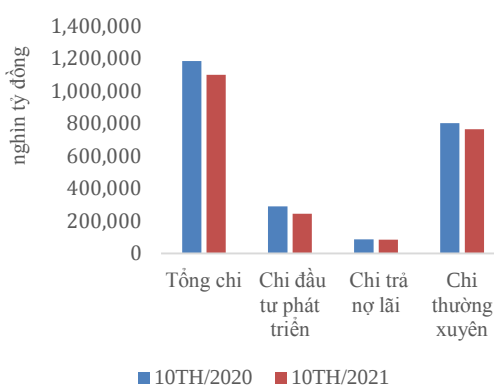
Tính từ đầu năm đến thời điểm 15/10/2021, tổng thu ngân sách Nhà nước ước tính đạt 1.118,2 nghìn tỷ đồng, bằng 83,2% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 898,9 nghìn tỷ đồng, bằng 79,3%; thu từ dầu thô đạt 31,5 nghìn tỷ đồng, bằng 135,6%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 187,1 nghìn tỷ đồng, bằng 104,8%.

Trong khi đó, tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/10/2021 ước tính đạt 1.098,5 nghìn tỷ đồng, bằng 65,1% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 763,6 nghìn tỷ đồng, bằng 73,7%; chi đầu tư phát triển 243,1 nghìn tỷ đồng, bằng 50,9% - thấp hơn so với cùng thời điểm của năm trước là 288,7 nghìn tỷ đồng, bằng 61,3%; chi trả nợ lãi 83,5 nghìn tỷ đồng, bằng 75,9%.

Thu NSNN 10 tháng 2020 và 10 tháng 2021



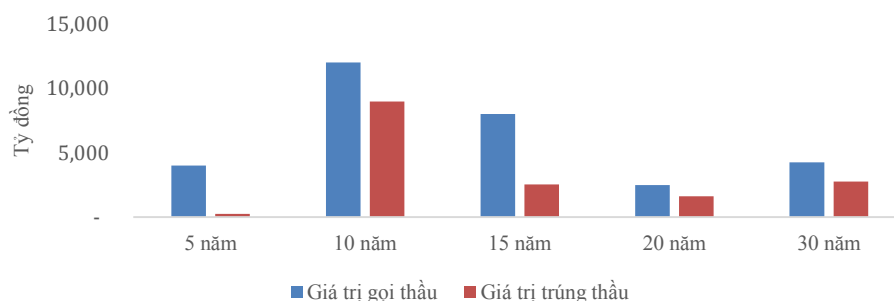
Chi NSNN 10 tháng 2020 và 10 tháng 2021



Nguồn: TCTK

Tháng 10/2021, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 16.146 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu với tổng giá trị gọi thầu là 32.750 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 49,3%, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ của tháng trước. Trong đó, 2 kỳ hạn có khối lượng gọi thầu nhiều nhất là kỳ hạn 10 năm và kỳ hạn 15 năm (lần lượt là 12.000 và 8.000 tỷ đồng).

Giá trị trúng thầu và gọi thầu qua các kỳ hạn trong tháng 10



Nguồn: hnx.vn

Kết thúc tháng 10, lãi suất trúng thầu của trái phiếu kỳ hạn 5 năm là 0,84%/năm, 10 năm nằm trong khoảng 2,13% - 2,15%/năm, 15 năm nằm trong khoảng 2,35% - 2,38%/năm; 20 năm nằm trong khoảng 2,8% - 2,81%/năm và 30 năm nằm là 2,98%/năm.

Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết khu vực tài chính, ngân sách trong tháng 10 năm 2021

Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2022

Cụ thể, theo tiêu chí dân số ở vùng đô thị, định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục trong độ tuổi đến trường (từ 1 – 18 tuổi) là 3.007.400 đồng/người dân/năm; Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình là 182.700 đồng/người dân/năm; Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế là 372.500 đồng/người dân/năm;...

Bên cạnh đó, đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Thực hiện khoản chi ngân sách hỗ trợ giai đoạn 2022 – 2025 và yêu cầu giảm tối thiểu 15% so với giai đoạn 2017 – 2021.

Đáng chú ý, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có cơ chế chính sách đặc thù hoặc có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương, được phân bổ thêm theo tỷ lệ % số chi tính theo định mức dân số như sau: Hà Nội, TP.HCM được phân bổ thêm 80%; Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ được phân bổ thêm 70%;...

Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 18/10/2021 về việc điều chỉnh nội dung chi của Quyết định 846/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ

Theo đó, điều chỉnh nội dung chi của số kinh phí 48.400 triệu đồng đã bổ sung cho Bộ Y tế từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2021 để mua 05 xe xét nghiệm lưu động phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 chuyển sang mua vỏ đựng oxy y tế và các vật tư đi kèm phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19.

Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 về quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19

Theo đó, có 4 nhóm giải pháp được miễn, giảm thuế bao gồm:

1. Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu năm 2021 giảm so với doanh thu năm 2019.

2. Miễn thuế (thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường) phải nộp phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các tháng trong quý III và quý IV năm 2021 đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại các địa bàn huyện, thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương chịu tác động của dịch Covid-19 trong năm 2021.

3. Giảm thuế giá trị gia tăng đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ trong các ngành nghề.

4. Miễn tiền chậm nộp phát sinh trong các năm 2020, 2021 đối với các doanh nghiệp, tổ chức phát sinh lỗi trong năm 2020.

Quyết định số 1937/QĐ-BTC ngày 04/10/2021 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2021

Theo đó, giảm hơn 664 triệu đồng mục chi quản lý hành chính theo định mức thuộc nguồn kinh phí thực hiện tự chủ; giảm hơn 57 triệu đồng mục chi Chương trình hợp tác với Bộ Tài chính Lào của Cục Kế hoạch – Tài chính. Đồng thời, bổ sung 721,6 triệu đồng chi cho Chương trình hợp tác với Bộ Tài chính Lào của Học viện Tài chính.

Thông tư số 89/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 về việc quy định quản lý, kiểm soát cam kết chi ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

Theo đó, Thông tư quy định quản lý, kiểm soát cam kết chi ngân sách Nhà nước (NSNN) qua Kho bạc Nhà nước đối với tất cả các khoản chi thường xuyên sử dụng kinh phí NSNN được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao dự toán NSNN hằng năm có hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ, xây lắp với giá trị từ 200 triệu đồng trở lên được thực hiện và thanh toán từ 2 năm ngân sách trở lên.

Ngoài ra, tất cả các khoản chi đầu tư được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao kế hoạch vốn hằng năm có hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ, xây lắp với giá trị từ 1.000 triệu đồng trở lên cũng là đối tượng quản lý, kiểm soát cam kết chi NSNN qua Kho bạc Nhà nước.

Cụ thể, các khoản cam kết chi NSNN phải được hạch toán bằng đồng Việt Nam, các khoản cam kết chi NSNN bằng ngoại tệ được theo dõi theo nguyên tệ, đồng thời được quy đổi ra đồng Việt Nam. Với hợp đồng đã thực hiện quản lý, kiểm soát cam kết chi, nếu điều chỉnh giá trị hợp đồng dẫn đến phải điều chỉnh số tiền đơn vị sử dụng ngân sách đã thực hiện cam kết chi, đơn vị sử dụng ngân sách phải làm thủ tục điều chỉnh cam kết chi với Kho bạc Nhà nước.

Công văn số 5236/KBNN-QLNQ ngày 08/10/2021 về việc thông báo điều chỉnh kế hoạch năm 2021 và kế hoạch đấu thầu trái phiếu Chính phủ (TPCP) trong quý IV/2021

Theo đó, KBNN thông báo điều chỉnh kế hoạch đấu thầu TPCP năm 2021 với tổng mức phát hành sau điều chỉnh là 373.000 tỷ đồng. Khối lượng điều chỉnh cụ thể theo từng kỳ hạn như sau: kỳ hạn 5 năm là 35.000 tỷ đồng; kỳ hạn 7 năm là 10.000 tỷ đồng; kỳ hạn 10 năm là 145.000 tỷ đồng; kỳ hạn 15 năm là 125.000 tỷ đồng; kỳ hạn 20 năm là 23.000 tỷ đồng và kỳ hạn 30 năm là 35.000 tỷ đồng.

Đồng thời, KBNN thông báo kế hoạch đấu thầu TPCP trong quý IV/2021 với tổng mức phát hành là 135.000 tỷ đồng. Cụ thể khối lượng phát hành dự kiến theo từng kỳ hạn như sau: kỳ hạn 5 năm là 15.000 tỷ đồng; kỳ hạn 7 năm là 5.000 tỷ đồng; kỳ hạn 10 năm là 37.000 tỷ đồng; kỳ hạn 15 năm là 50.000 tỷ đồng; kỳ hạn 20 năm là 13.000 tỷ đồng và kỳ hạn 30 năm là 15.000 tỷ đồng.

4. Tình hình doanh nghiệp

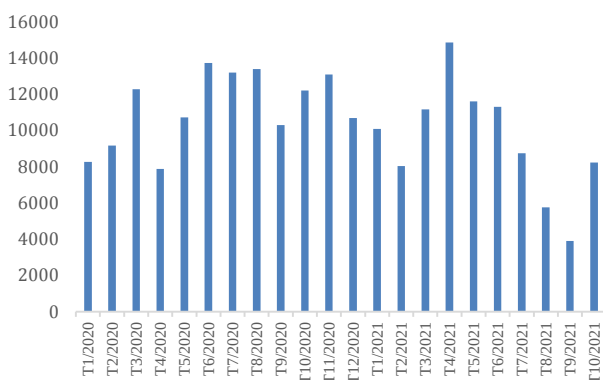
Tình hình doanh nghiệp gia nhập thị trường đã cải thiện mạnh so với tháng

Trong tháng 10, cả nước có 8.233 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 108,6 nghìn tỷ đồng, tăng 111,2% về số doanh nghiệp, tăng 73,9% về vốn đăng ký so với tháng trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 13,2 tỷ đồng, giảm 17,6% so với tháng trước và giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trên cả nước còn có 4.304 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 29,8% so với tháng trước và giảm 14,7% so với cùng kỳ năm trước.

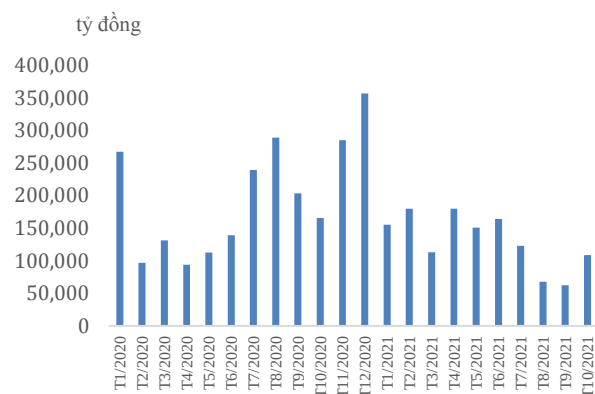
trước

Tính chung 10 tháng năm 2021, cả nước có 93.714 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký gần 1.304,4 nghìn tỷ đồng, giảm 15,7% về số doanh nghiệp, giảm 18,2% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 10 tháng đạt 13,9 tỷ đồng, giảm 2,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, có 1.603 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 26,7% so với cùng kỳ năm trước; 25.190 doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, giảm 24,6%; 66.921 doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, giảm 11,5%. Ngoài ra, trong 10 tháng còn có 35.339 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 6,3% so với cùng kỳ năm trước.

Số doanh nghiệp thành lập mới



Vốn đăng ký kinh doanh



Nguồn: TCTK

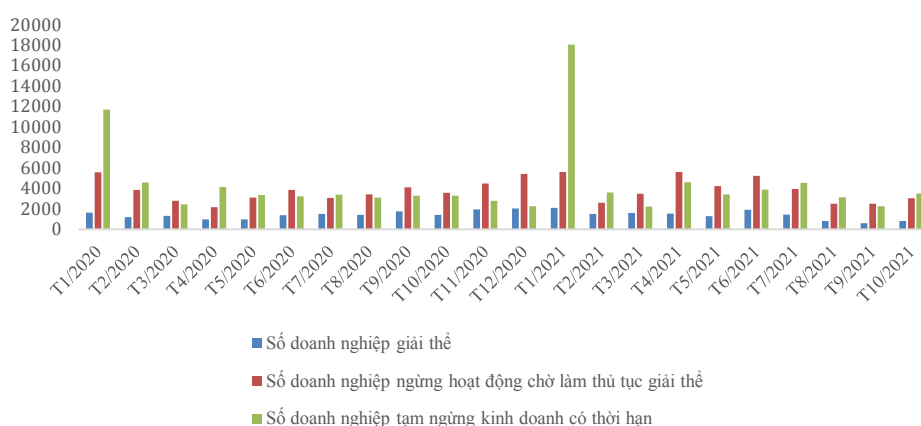
**Tình hình
doanh
nghiệp
khởi
trường
tiếp
tục tăng**

Trong tháng 10, trên cả nước có 3.492 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 55,9% so với tháng trước và tăng 6% so với cùng kỳ năm trước; có 3.048 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 21,5% và giảm 14,8%; có 806 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 33% và giảm 43%.

Tính chung 10 tháng, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 48.487 doanh nghiệp, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước; 34.994 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 15,7%; 13.608 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 0,8%, trong đó có 12.100 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, tăng 1,1%.

Các doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có 4.987 doanh nghiệp; công nghiệp chế biến, chế tạo có 1.569 doanh nghiệp; xây dựng có 1.260 doanh nghiệp trong khi các ngành khác, con số này giao động trong khoảng 100 – 763 doanh nghiệp.

Tình hình giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn



Nguồn: TCTK

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết hoạt động trên thị trường tiền tệ, ngân hàng, chứng khoán trong tháng 10 năm 2021

Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025

Theo đó, mục tiêu cụ thể của Đề án đến cuối 2025 như sau: Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 25 lần GDP; Thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử đạt 50%; Từ 80% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng; Từ 90 – 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn đô thị chấp nhận thanh toán học phí bằng thương thức không dùng tiền mặt; 60% các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn đô thị chấp nhận thanh toán dịch vụ y tế bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt;...

Để đạt được các mục tiêu trên, Chính phủ đề ra các giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt gồm: Hoàn thiện hành lang pháp lý và cơ chế, chính sách; Nâng cấp, phát triển hạ tầng thanh toán hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả; Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu của CMCN 4.0; Đẩy mạnh thanh toán điện tử trong khu vực chính phủ, dịch vụ hành chính công;...

Nghị quyết số 129/NQ-CP ngày 12/10/2021 về việc thông qua dự thảo Báo cáo của Chính phủ về kết quả thực hiện Nghị quyết 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng

Cụ thể, thông qua dự thảo Báo cáo của Chính phủ về kết quả thực hiện Nghị quyết 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước. Chính phủ giao nhiệm vụ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam rà soát kỹ lưỡng, bảo đảm tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến các Thành viên Chính phủ; chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin, số liệu báo cáo.

Bên cạnh đó, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký báo cáo Quốc hội theo quy định.

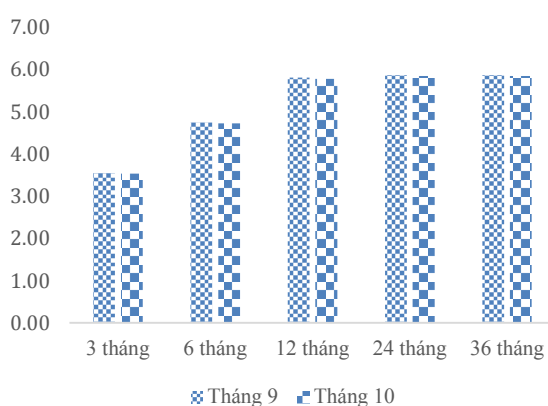
Lãi suất huy động trong nền kinh tế đã có sự thay đổi nhẹ

Lãi suất huy động bình quân trong nền kinh tế trong tháng 10 đã có sự thay đổi nhẹ, trong đó, diễn biến giảm tiếp tục xuất hiện trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước; diễn biến tăng, giảm đan xen giữa các kỳ hạn trong khối NHTM CP. Cụ thể, trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước, Ngân hàng Vietcombank đã điều chỉnh giảm 0,1 điểm phần trăm lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng và Ngân hàng TNHH MTV Dầu khí toàn cầu điều chỉnh giảm 0,2 điểm phần trăm đối với lãi suất huy động các kỳ hạn từ 6 – 36 tháng. Kết thúc tháng 10, có 04 NHTM có vốn sở hữu

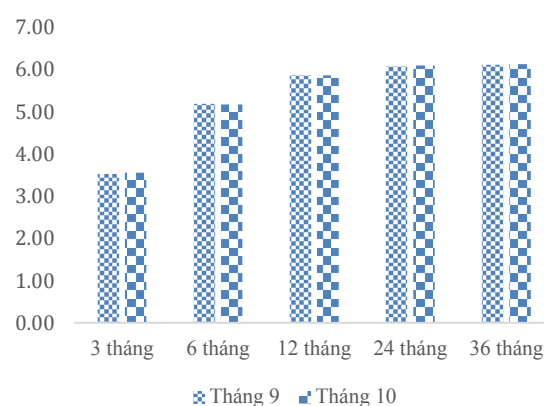
của Nhà nước lớn có lãi suất huy động kỳ hạn 3 – 6 tháng giao động từ 3,3 – 4%/năm; lãi suất huy động kỳ hạn từ 12 tháng trở lên giao động từ 5,3 – 5,6%/năm. Và 03 NHTM TNHH một thành viên có mức lãi suất huy động tương tự với mặt bằng lãi suất của hệ thống NHTM CP, lãi suất huy động thấp nhất là 3,5%/năm và cao nhất là 6,7%/năm.

Bên cạnh đó, trong khối NHTM CP khảo sát, lãi suất huy động bình quân đã tăng nhẹ 0,02 điểm phần trăm ở kỳ hạn 3, 24 và 36 tháng tại một số ngân hàng, không đổi ở kỳ hạn 12 tháng và giảm nhẹ 0,01% ở kỳ hạn 6 tháng. Cụ thể, trong tháng 10 đã có 04 ngân hàng điều chỉnh tăng lãi suất rải rác ở các kỳ hạn, giao động từ 0,1 – 0,6 điểm phần trăm, duy nhất chỉ có NHTM CP Sài Gòn Thương tín điều chỉnh tăng lãi suất ở tất cả các kỳ hạn. Đồng thời, có 03 ngân hàng điều chỉnh giảm nhẹ, biến động trong khoảng 0,2 – 0,4 điểm phần trăm. Tính đến cuối tháng 10, lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng giao động từ 2,85 – 3,95%/năm; kỳ hạn 6 tháng từ 3,8 – 6,1%/năm; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên giao động từ 4,7 – 6,9%/năm.

Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước (%)



Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM Cổ phần (%)



Nguồn: tổng hợp

Lãi suất cho vay nền kinh tế duy trì xu hướng ổn định, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên ở mức 4,5%/năm.

Bên cạnh đó, lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 3 – 6%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 3 – 4,5%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 4,2 – 6%/năm.

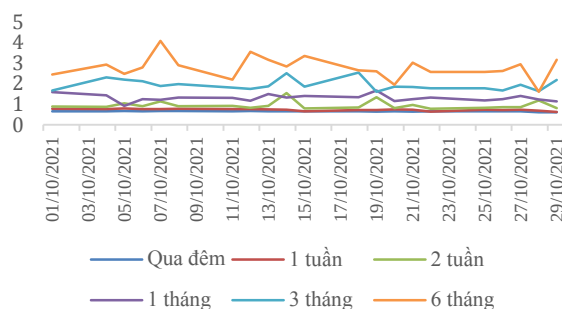
Lãi suất liên ngân hàng giảm ở tất cả các kỳ hạn

Trong tháng 10, lãi suất liên ngân hàng đã giảm ở tất cả các kỳ hạn, diễn biến giảm xuất hiện rải rác trong tháng. Theo đó, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn (qua đêm – 2 tuần) giảm lần lượt là 0,04 điểm phần trăm; 0,17 điểm phần trăm và 0,71 điểm phần trăm. Trong đó, lãi suất kỳ hạn qua đêm có biến động theo ngày giao dịch thấp nhất, phổ biến là 0,01 – 0,02 điểm phần trăm và có khoảng 06 ngày giao dịch đi ngang. Đồng thời, đến cuối tháng lãi suất kỳ hạn ngắn cũng đã giảm xuống dưới ngưỡng 1%/năm, cụ thể lãi suất kỳ hạn qua đêm – 2 tuần lần lượt là 0,61%/năm; 0,63%/năm và 0,81%/năm.

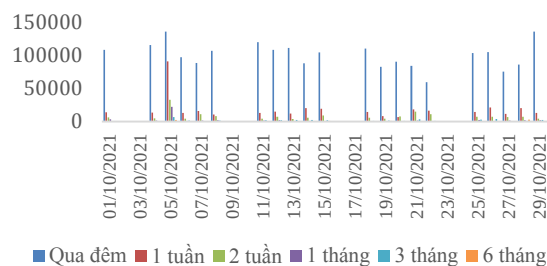
Bên cạnh đó, lãi suất kỳ hạn 1 - 12 tháng cũng giảm lần lượt là 0,34 điểm phần trăm; 0,19 điểm phần trăm; 0,01 điểm phần trăm và 0,1 điểm phần trăm. Trong tháng 10, lãi suất kỳ hạn 3 tháng và 12 tháng đã giảm nhẹ sau diễn biến tăng của tháng trước và lãi suất kỳ hạn 1 tháng kéo dài đà giảm tháng thứ 2 liên tiếp. Kết thúc tháng, lãi

suất kỳ hạn 1 tháng trở lên chốt ở mức 1,13%/năm; 2,18%/năm; 3,16%/năm và 3,6%/năm.

Diễn biến lãi suất liên ngân hàng (%)



Doanh số giao dịch liên ngân hàng (tỷ đồng)



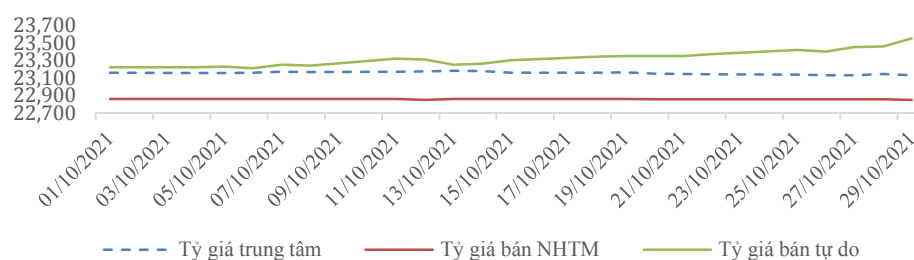
Nguồn: NHNN

Tỷ giá giao dịch trên thị trường chính thức ổn định nhưng đã tăng khá trên thị trường tự do

Trong tháng 10, tỷ giá trung tâm và tỷ giá bán tham khảo trên Sở giao dịch NHNN đã giảm trở lại sau xu hướng tăng của tháng trước. Cụ thể, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh giảm 0,13%, tương đương với 31 đồng so với cuối tháng trước. Tỷ giá trung tâm được điều chỉnh giảm phổ biến trong khoảng 0,01% – 0,03%, ghi nhận 03 ngày giao dịch điều chỉnh giảm từ 0,06% – 0,08% tương ứng với 14 – 18 đồng và có xu hướng điều chỉnh giảm liên tục kể từ ngày 20/10. Bên cạnh đó, tỷ giá bán tham khảo tại Sở giao dịch NHNN cũng được điều chỉnh giảm. Tỷ giá bán biến động khá sát với tỷ giá trung tâm, giảm 0,13% so với tháng trước, Kết thúc tháng, tỷ giá trung tâm giao dịch ở mức 23.131 USD/VND, tỷ giá tham khảo tại Sở giao dịch NHNN là 22.750 - 23.775 USD/VND (mua vào – bán ra).

Trong khi đó, tỷ giá giao dịch trên thị trường chính thức và thị trường tự do đã có diễn biến trái chiều. Trên thị trường chính thức, cụ thể là tỷ giá giao dịch khảo sát tại Vietcombank và Eximbank tiếp tục giảm hoặc đi ngang so với tháng trước, đáng chú ý là tỷ giá chỉ biến động từ 2 – 4 ngày giao dịch của tháng trong biên độ 0,02% – 0,04%. Bên cạnh đó, tỷ giá mua - bán trên thị trường tự do có diễn biến tăng là chủ yếu. Diễn biến của tỷ giá trên thị trường tự do đã chịu áp lực từ yếu tố tâm lý vào những thời điểm gần cuối năm và đặc biệt trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Tỷ giá tự do duy trì đà tăng liên tục trong 02 tháng với mức tăng lần lượt là 1,29% và 1,5% (mua vào – bán ra). Theo số liệu khảo sát, diễn biến tăng theo ngày giao dịch giao động từ 0,04% – 0,38%. Tính đến cuối tháng, tỷ giá giao dịch tại Vietcombank là 22.650 – 22.850 USD/VND (mua vào – bán ra), giảm 0,04% so với tháng trước; tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do vào thời điểm khảo sát là 23.450 – 23.550 USD/VND (mua vào – bán ra), tỷ giá bán trên thị trường tự do cao hơn tỷ giá bán của Vietcombank đã tăng lên 700 đồng.

Diễn biến tỷ giá VND/USD



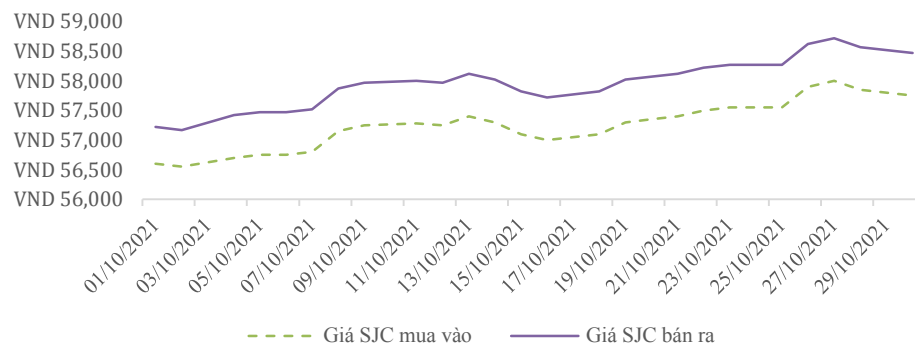
Nguồn: NHNN

Giá vàng trong nước tăng mạnh hơn giá vàng thế giới

Kết thúc tháng 10, giá vàng trong nước cũng đã tăng trở lại, giá vàng SJC theo số liệu khảo sát cùng tăng 2,65% và 2,78% ở chiều mua vào và bán ra – cao hơn mức tăng của giá vàng thế giới. Giá vàng trong nước đã có 02 chuỗi tăng kéo dài từ ngày 4 – 9/10 và từ ngày 18 – 27/10. Trong chuỗi tăng này, giá bán vàng SJC đã đạt được ngưỡng giá giao dịch cao trên 58 triệu đồng/lượng và được duy trì vững chắc kể từ ngày 18/10 cho đến cuối tháng. Chênh lệch giữa giá mua và giá bán được duy trì phổ biến ở mức 720.000 đồng/lượng. Kết thúc tháng 10, giá vàng SJC giao dịch tại thời điểm khảo sát là 57,75 – 58,47 triệu đồng/lượng (mua vào – bán ra). Hiện giá vàng trong nước cao hơn giá vàng thế giới khoảng hơn 9 triệu đồng/lượng.

Mặc dù giá vàng đã có được ngưỡng giá giao dịch cao mới xong nhu cầu mua bán vàng tại thị trường trong nước không có nhiều biến động. Số liệu công bố của Hội đồng vàng thế giới cho thấy, nhu cầu vàng trang sức trong quý III vừa qua giảm một nửa so với cùng kỳ năm 2020, xuống còn khoảng 01 tấn – đây là dữ liệu theo quý thấp nhất của Việt Nam kể từ khi WGC thu thập dữ liệu khảo sát từ năm 2000.

Diễn biến giá vàng trong nước



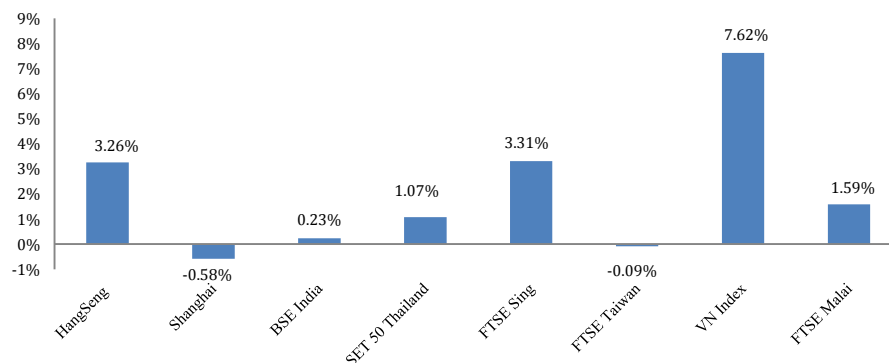
Nguồn: sjc.com.vn

Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục tăng điểm và lập đỉnh lịch sử mới

Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục tăng điểm. Kết thúc phiên giao dịch cuối tháng 10/2021, chỉ số VN-Index có tháng thứ 3 tăng điểm liên tiếp và thiết lập đỉnh lịch sử mới ở mức 1.444,27 điểm – cao nhất trong 21 năm qua, tăng 7,6% so với tháng trước. Tương tự, chỉ số HNX-Index cũng tăng 15,3% lên 412,12 điểm và chỉ số UPCOM-Index tăng 9,1% lên 105,38 điểm.

Trong tháng 10, Việt Nam là thị trường chứng khoán có mức tăng điểm cao nhất trong khu vực.

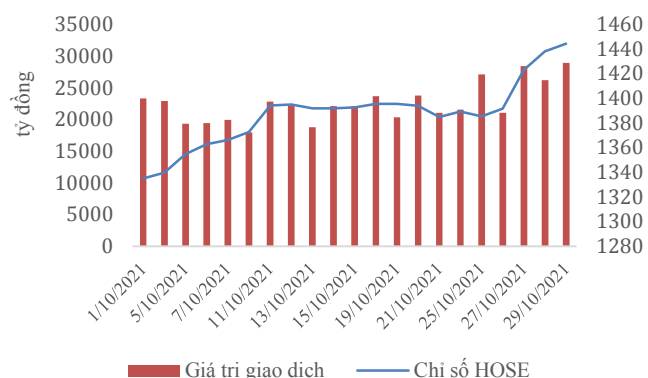
Mức biến động của một số chỉ số chủ chốt trong khu vực Châu Á tháng 10/2021



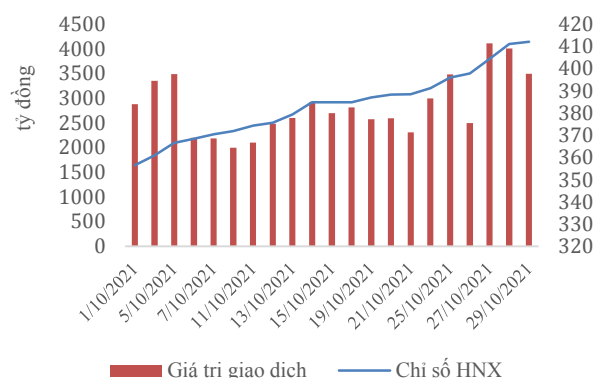
Nguồn: Bloomberg

Trên sàn HOSE, các chỉ số ngành ghi nhận sự tăng trưởng cao, gồm có ngành hàng dịch vụ tiện ích (VNUTI) tăng 16,20%, ngành công nghiệp (VNIND) tăng 15,35% và ngành bất động sản (VNREAL) tăng 12,09% so với tháng trước... Bên cạnh đó, trên sàn HNX ghi nhận tất cả các chỉ số ngành đều tăng điểm, cụ thể là ngành xây dựng có mức tăng nhiều nhất 45,47%, ngành tài chính tăng 9,66% và ngành công nghiệp tăng 10,24%. Hỗ trợ nhiều nhất cho chỉ số VN-Index trong tháng qua là các mã cổ phiếu VRC (86,6%), SAM (84,95%), DLG (81,95%), HAR (78,7%) và hỗ trợ cho chỉ số HNX-Index là LCD (160,49%), PVL (135,71%), SDA (145,9%), PSW (124,32), PDB (120%), L14 (119,65%).

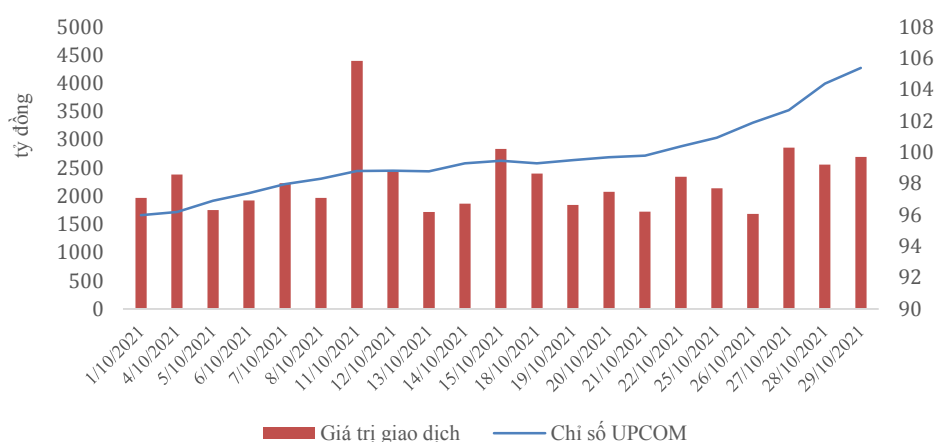
Diễn biến chỉ số VN-Index tháng 10/2021



Diễn biến chỉ số HNX-Index tháng 10/2021

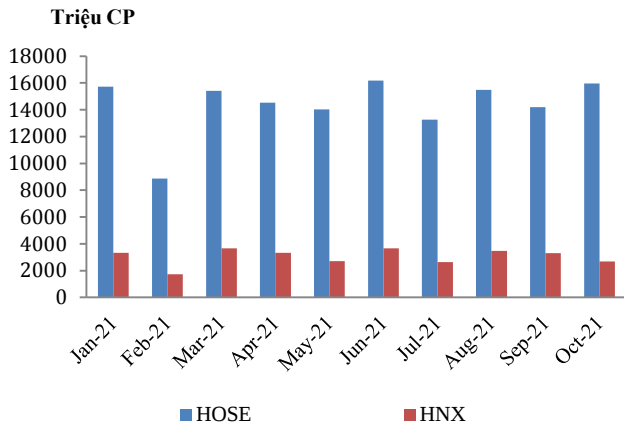
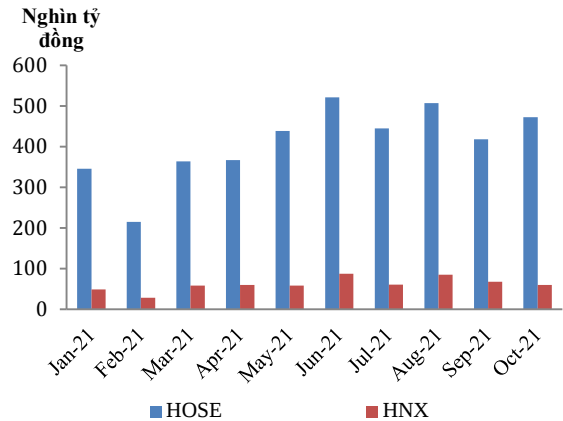


Diễn biến chỉ số UPCOM-Index tháng 10/2021



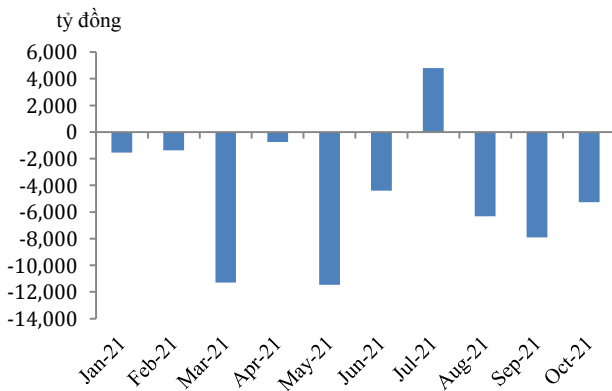
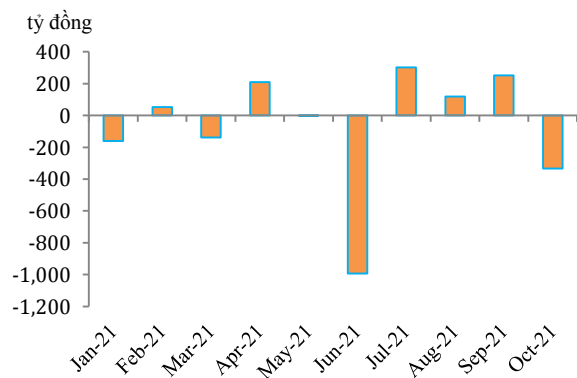
Nguồn: UBCK Nhà nước

Thanh khoản thị trường trong tháng 10/2021 đã tăng về tổng giá trị và khối lượng cổ phiếu giao dịch trên cả 02 sàn lần lượt đạt 524,745 nghìn tỷ đồng và hơn 18 tỷ cổ phiếu, tăng khoảng 9,75% về giá trị và 6,5% về khối lượng. Trong đó, trên sàn HOSE, giá trị giao dịch đạt 464,925 nghìn tỷ đồng - tăng 11,24% so với tháng trước, khối lượng giao dịch đạt 15,31 tỷ cổ phiếu - tăng 7,81% so với tháng trước. Thanh khoản thị trường trên sàn HNX diễn biến kém hơn, trong đó, giá trị giao dịch đạt hơn 59,82 nghìn tỷ đồng, giảm hơn 11% so với tháng trước, khối lượng giao dịch đạt 2,69 tỷ cổ phiếu, giảm 18,6% so với tháng trước. Top 5 cổ phiếu có giá trị giao dịch nhiều nhất trên sàn HOSE gồm: HPG, TCB, KBC, HSG, VHM và trên sàn HNX gồm: PVS, IDC, SHS, THD, TNG.

Khối lượng giao dịch từ tháng 1/2021 - 10/2021**Giá trị giao dịch từ tháng 1/2021 – 10/2021**

Nguồn: UBCK Nhà nước

Trong tháng 10, giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có diễn biến kém tích cực khi bán ròng với tổng giá trị 5,582 nghìn tỷ đồng, trong đó, nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng 5,248 nghìn tỷ đồng trên sàn HOSE. Trên sàn HNX, nhà đầu tư nước ngoài có tháng bán ròng thứ 2 kể từ đầu năm sau 3 tháng mua ròng liên tiếp với tổng giá trị là gần 334 tỷ đồng. Các mã cổ phiếu bị nhà đầu tư nước ngoài bán ròng nhiều nhất trên sàn HOSE gồm HPG, NLG, PAN, VRE, CSV,... và trên sàn HNX gồm SHS, TNG, TND, PVS,...

Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HOSE (1/2021 – 10/2021)**Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HNX (1/2021 – 10/2021)**

Nguồn: UBCK Nhà nước

Tính đến thời điểm 29/10/2021, giá trị vốn hóa niêm yết trên sàn HOSE đạt hơn 5,6 triệu tỷ đồng, tăng 9,08% so với tháng trước, đạt khoảng 89% GDP năm 2020, giá trị vốn hóa niêm yết trên sàn HNX đạt hơn 440 nghìn tỷ đồng, tăng 6,18% so với cuối tháng trước.